

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: Kinh tế

Trình độ đào tạo: Đại học

Mã ngành: 7.310.101

THANH HÓA, NĂM 2021

Số 1720/QĐ-ĐHHĐ

Thanh Hoá, ngày 01 tháng 9 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt chương trình đào tạo ngành Kinh tế trình độ đại học
theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học
áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18/6/2012 và Luật số 34/2018/QH14 ngày 19/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học; Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Quy định về chuẩn CTĐT; xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Khung chương trình đào tạo theo khối ngành, nhóm ngành đào tạo đại học, cao đẳng định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học tại Trường Đại học Hồng Đức (theo Quyết định số 1270/QĐ-ĐHHĐ ngày 09/8/2017 và Quyết định số 1285/QĐ-ĐHHĐ ngày 16/8/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hồng Đức);

Căn cứ Văn bản đề nghị của khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh về việc điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo ngành Kinh tế; Biên bản họp Hội đồng Thẩm định CTĐT ngành Đại học Kinh tế, Biên bản thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo nhà trường;

Xét đề nghị của ông Trưởng phòng Quản lý đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt chương trình đào tạo ngành Kinh tế, trình độ đại học theo định hướng ứng dụng và phát huy năng lực người học, áp dụng cho khóa tuyển sinh từ tháng 8/2021 (Có chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Trưởng khoa, Trưởng bộ môn quản lý học phần có trách nhiệm xây dựng, thẩm định và phê duyệt đề cương chi tiết học phần theo quy định.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Trưởng phòng Quản lý đào tạo, Trưởng khoa Kinh tế - Quản trị kinh doanh, các bộ môn liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, QLĐT



Lê Hoàng Bá Huyền

BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Ngành đào tạo: **Kinh tế**
Trình độ đào tạo: **Đại học**
Mã số: **7.31.01.01**

(Ban hành theo QĐ số 122/QĐ-ĐHHD ngày 01/9/2021 của Hiệu trưởng Trường ĐHHĐ)

1. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Giới thiệu về chương trình đào tạo

Chương trình đào tạo ngành cử nhân Kinh tế được xây dựng lần đầu tiên vào năm 2017 với hình thức đào tạo theo hệ thống tín chỉ đáp ứng yêu cầu quy định về khung chương trình đào tạo của bộ nhằm nâng cao năng lực kiến thức và kỹ năng đáp ứng nhu cầu đơn vị tuyển dụng. Năm 2019 chương trình đào tạo được xây dựng mới và điều chỉnh tập trung kiến thức chuyên môn và phát huy tối đa năng lực người học đáp ứng nhu cầu xã hội. Chương trình đào tạo được xây dựng dựa trên sự kế thừa, vận dụng các chương trình đào tạo Kinh tế của các trường đại học lớn trong nước như Đại học Ngoại thương, Đại học Thương Mại, Trường Đại học Kinh tế quốc dân. Các chương trình đào tạo cử nhân Kinh tế của các trường đại học trên thế giới như Canada và USA. Năm học 2020 chương trình được điều chỉnh cập nhật tài liệu tham khảo và năm 2021 tiếp tục điều chỉnh phù hợp với sứ mệnh mục tiêu đào tạo của nhà trường.

Chương trình đào tạo ngành Đại học Kinh tế gồm 48 học phần (tương đương 124 tín chỉ), trong đó có 35 học phần bắt buộc (97 tín chỉ) và 13 học phần tự chọn (27 tín chỉ), được phân bổ trong 8 học kỳ (kỳ 1: gồm 06 học phần, 15 tín chỉ; kỳ 2: gồm 06 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 3: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 4: gồm 07 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 5: gồm 06 học phần, 17 tín chỉ; kỳ 6: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 7: gồm 07 học phần, 16 tín chỉ; kỳ 8: gồm 02 học phần thay thế KLTN và thực tập TN, 11 tín chỉ).

- Khối kiến thức lý luận chính trị gồm 06 học phần (13 tín chỉ);
- Khối kiến thức khoa học xã hội gồm 04 học phần (08 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngoại ngữ gồm 03 học phần (10 tín chỉ);
- Khối kiến thức Toán-Tin học-KHTN-Công nghệ-Môi trường gồm 04 học phần (10TC);
- Khối kiến thức cơ sở gồm 07 học phần (18 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành gồm 16 học phần (44 tín chỉ);
- Kiến thức bổ trợ tự do gồm 06 học phần (10 tín chỉ);
- Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (11 tín chỉ);

Đội ngũ giảng viên giảng dạy chương trình cử nhân Kinh tế có trình độ cao trong đó có 4 tiến sĩ, 1 nghiên cứu sinh và 3 thạc sĩ chuyên ngành có năng lực chuyên môn tốt được đào tạo từ các trường đại học uy tín trong nước như ĐH Kinh tế quốc dân, Học viện Tài chính, ĐH thương mại...

và các trường ĐH nước ngoài có uy tín trên thế giới ở các quốc gia như: Anh, Pháp, Trung Quốc, Thái Lan, Philippines... Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo khang trang với hệ thống phương tiện phục vụ giảng dạy nghiên cứu được trang bị đầy đủ, hệ thống phòng ngân hàng thực hành, phòng kế toán mô phỏng, siêu thị thực hành được đưa vào ứng dụng trong giảng dạy nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy và học sát với thực tiễn từ phát huy và hoàn thiện các năng lực, kỹ năng của học viên.

2. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (Tiếng Việt):	Kinh tế
Tên chương trình (Tiếng Anh):	Economics
Mã ngành đào tạo:	7.310.101
Trường cấp bằng tốt nghiệp:	Trường Đại học Hồng Đức
Tên gọi văn bằng tốt nghiệp:	Cử nhân
Trình độ đào tạo:	Đại học
Số tín chỉ:	124
Hình thức đào tạo:	Chính quy
Thời gian đào tạo:	4 năm
Đối tượng tuyển sinh:	Học sinh THPT hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá:	10
Điều kiện tốt nghiệp:	<ul style="list-style-type: none"> - Tích lũy đủ số học phần và số tín chỉ quy định cho chương trình đào tạo (121 tín chỉ); - Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4,0); - Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ (bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam); - Có chứng chỉ quốc phòng và giáo dục thể chất; - Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập.
Vị trí việc làm	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên, chuyên gia, cán bộ quản lý trong lĩnh vực kinh tế quốc tế tại các cơ quan nhà nước như các Bộ, ngành TW, các sở ngành ở địa phương, các tổ chức quốc tế, ngân hàng, khối các doanh nghiệp như doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp xuất nhập khẩu... - Nghiên cứu viên trong các viện nghiên cứu kinh tế, giảng viên trong các trường đại học, cao đẳng trong và ngoài nước về lĩnh vực kinh tế quốc tế. - Tự khởi nghiệp và tìm kiếm cơ hội kinh doanh riêng cho bản thân. - Ngoài ra còn có khả năng phát triển nghề nghiệp cao hơn ở các vị trí quản lý, hoạch định các chính sách kinh tế - xã hội.
Học tập nâng cao trình độ:	Thạc sĩ, tiến sĩ trong và ngoài nước
Thời gian cập nhật bản mô tả chương trình đào tạo	20/08/2021

3. Mục tiêu đào tạo của chương trình

3.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân Kinh tế có phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống và sức khoẻ tốt; có trình độ ngoại ngữ và tin học đạt chuẩn; Trang bị cho sinh viên những kiến thức về kinh tế - xã hội; có tư duy tổng hợp về kinh tế; có khả năng phân tích, hoạch định chính sách và giải quyết các vấn đề kinh tế thuộc các lĩnh vực chuyên sâu về kinh tế quốc tế. Sinh viên tốt nghiệp có khả năng làm việc tại các cơ quan quản lý nhà nước các cấp; các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi lợi nhuận; các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng có đào tạo chuyên ngành kinh tế quốc tế; Ngoài ra có thể làm việc ở các doanh nghiệp FDI, doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong và ngoài nước; Có năng lực làm việc độc lập, sáng tạo, hiệu quả vấn đáp ứng yêu cầu và xu thế phát triển của xã hội..

3.2. Mục tiêu cụ thể

PO1: Cử nhân Kinh tế có hệ thống tri thức lý luận Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước. Trên cơ sở đó, hình thành được thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng; tạo dựng được niềm tin vững chắc vào vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam; nâng cao bản lĩnh chính trị và ý thức công dân, góp phần xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh.

PO2: Cử nhân Kinh tế có đầy đủ kiến thức Ngữ âm, Ngữ pháp, Từ vựng và các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết tiếng Anh để có thể giao tiếp được bằng tiếng Anh tương đối thành thạo trong các lĩnh vực kinh tế và đời sống, xã hội.

PO3: Cử nhân Kinh tế có các kiến thức cơ bản và kỹ năng về máy vi tính, hệ điều hành Microsoft Windows, mạng máy tính và Internet, các phần mềm tiện ích thông dụng (trình duyệt Web, thư điện tử), phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft Word), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft Excel), phần mềm trình chiếu (Microsoft PowerPoint).

PO4: Cử nhân Kinh tế có các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán, mô hình toán trong kinh tế; vận dụng các kiến thức này vào giải quyết các bài toán kinh tế hoặc các vấn đề xã hội, phân tích và xử lý thông tin... và có khả năng giải quyết các vấn đề liên quan đến lĩnh vực kinh tế cũng như trong cuộc sống.

PO5: Cử nhân Kinh tế có các kiến thức cơ bản về vị trí địa lý, kinh tế, văn hóa Việt Nam; môi trường và con người; vận dụng được kiến thức liên ngành vào học tập và phục vụ công tác chuyên môn, từ đó nâng cao ý thức trách nhiệm công dân trong việc gìn giữ, bảo vệ môi trường và bản sắc văn hóa Việt Nam.

PO6: Cử nhân Kinh tế có kiến thức về đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh, tâm lý người quản lý, người lao động; xử lý được các tình huống xảy ra trong quản lý kinh tế từ đó xây dựng và tổ chức thực hiện được kế hoạch trong tuyển chọn, đào tạo nghề cho người lao động.

PO7: Cử nhân Kinh tế có đầy đủ kiến thức cơ bản về kinh tế, quản trị, tài chính, kế toán; có khả năng sử dụng các công cụ phân tích kinh tế, khả năng dự báo, từ đó vận dụng thành thạo trong phân tích, tổng hợp để giải quyết các vấn đề phát sinh trong thực tiễn kinh tế và quản lý

PO8: Cử nhân Kinh tế có đầy đủ năng lực chuyên môn về kinh tế quốc tế như thương mại quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, chính sách kinh tế đối ngoại, tài chính quốc tế, marketing, thương mại điện tử, logistics... vận dụng thành thạo các kiến thức trên để nghiên cứu, phân tích các quyết định đầu tư kinh doanh, tư vấn hoạch định chiến lược, chính sách,

quy hoạch và quản lý hoạt động kinh doanh quốc tế của các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức quốc tế và các doanh nghiệp với vai trò là chuyên viên, chuyên gia kinh tế.

PO9: Cử nhân Kinh tế có đầy đủ phẩm chất đạo đức tốt; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng. Có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ chuyên môn, năng lực công tác phù hợp với nhu cầu cá nhân hoặc công việc; có khả năng tự học tập suốt đời.

4. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Chương trình được thiết lập đảm bảo sinh viên tốt nghiệp đạt được các chuẩn đầu ra sau:

PLO1: Phân tích và đánh giá được những kiến thức lý luận của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng HCM, đường lối lãnh đạo của Đảng CSVN, chính sách, Pháp luật của Nhà nước; vận dụng được những nguyên lý, những quy luật, những luận điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng HCM cũng như chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào giải quyết những vấn đề thực tiễn đặt ra trong quá trình học tập, tu dưỡng, rèn luyện của bản thân đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

PLO2: Đạt chuẩn năng lực ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo Khung năng lực Ngoại ngữ Việt Nam, cụ thể có khả năng nghe, nói, đọc viết bằng tiếng Anh trong giao tiếp về các chủ đề quen thuộc trong quản trị kinh doanh; có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường; có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn.

PLO3: Sử dụng thành thạo máy tính với hệ điều hành Windows; sử dụng thành thạo thư điện tử, tìm kiếm, xử lý thông tin trên Internet; sử dụng thành thạo phần mềm soạn thảo văn bản (Microsoft WORD), phần mềm xử lý bảng tính (Microsoft EXCEL), phần mềm trình chiếu (Microsoft POWERPOINT) vào quá trình soạn thảo văn bản, hợp đồng trong lĩnh vực kinh tế và quản lý; sử dụng được các phần mềm kinh tế cơ bản, phần mềm thống kê, kế toán phục vụ quá trình quản lý và kinh doanh, sẵn sàng tiếp cận hoạt động chuyển đổi số trong tổ chức, doanh nghiệp.

PLO4: Vận dụng được các kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, bao gồm các suy luận logic, các phương pháp tính toán; các kiến thức về mô hình toán kinh tế, để phân tích diễn biến và xu hướng vận động của các chỉ số kinh tế quan trọng cũng như đánh giá các hoạt động kinh tế và dự báo những biến động của nền kinh tế; Có kiến thức về công cụ và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực Kinh tế quốc tế, vận dụng trong môi trường hội nhập quốc tế.

PLO5: Phân tích, tổng hợp được thực trạng phát triển kinh tế của Việt Nam; các thành tựu văn hóa, không gian và thời gian văn hóa; về môi trường và con người; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội

PLO6: Vận dụng được những kiến thức tâm lý học quản lý kinh doanh, tâm lý học lao động vào quá trình thực hiện hoạt động nghề nghiệp tại các tổ chức, doanh nghiệp, phát triển năng lực nghề nghiệp và đáp ứng với yêu cầu của **thời kỳ hội nhập kinh tế quốc tế**.

PLO7: Áp dụng được kiến thức cơ bản về kinh tế như kinh tế đầu tư, kinh tế phát triển, thương mại điện tử, marketing số, dự báo kinh tế để phân tích, đánh giá giải quyết các vấn đề về kinh tế vĩ mô và vi mô, nghiên cứu, dự báo sự vận động của nền kinh tế thế giới và ảnh hưởng của nó tới nền kinh tế Việt Nam, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế...

PLO8: Phân tích được các nội dung cơ bản về quản trị, tài chính, kế toán, đầu tư phục vụ cho quá trình điều hành doanh nghiệp, tổ chức; có năng lực tìm kiếm ý tưởng, lập kế hoạch kinh doanh khởi nghiệp và hình thành được tư duy khởi nghiệp.

PLO9: Có kiến thức chuyên sâu để đánh giá, phân tích và tổng hợp được các vấn đề về thương mại quốc tế, nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu, kinh doanh quốc tế, chính sách kinh tế

đổi ngoại, đầu tư quốc tế, tài chính quốc tế, hội nhập kinh tế quốc tế, logistics trong thực tiễn, công việc chuyên môn của tổ chức, doanh nghiệp.

PLO10: Có năng lực giao tiếp, đàm phán trong kinh doanh và thiết lập các mối quan hệ với đối tác khách hàng

PLO11: Có khả năng làm việc nhóm để đạt được các mục tiêu của tổ chức

PLO12: Tuân thủ luật pháp, các nguyên tắc và chuẩn mực nghề nghiệp khi thực hiện các hoạt động quản lý kinh tế; Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp tốt, tôn trọng các bí mật trong kinh doanh với khách hàng;

PLO13: Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể; có năng lực đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn; tự chịu trách nhiệm trước những hành vi và quyết định của mình trong công việc; có trách nhiệm xã hội, bảo vệ môi trường, bảo vệ lợi ích cộng đồng;

PLO14: Có năng lực tự học tập, tự nghiên cứu và học tập suốt đời nâng cao trình độ, kỹ năng chuyên môn phù hợp nhiệm vụ công việc.

5. Chuẩn đầu vào của chương trình đào tạo

Người học phải tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc trình độ tương đương khi có nhu cầu tham gia chương trình học ngành Kinh tế, trình độ đại học. Đồng thời, người học phải đảm bảo đáp ứng đủ điều kiện về kiến thức, kinh nghiệm, năng lực theo quy định của Bộ giáo dục, trường đại học Hồng Đức và khoa Kinh tế - QTKD trong kỳ xét tuyển. (Điều kiện có thể thay đổi theo từng giai đoạn).

6. Ma trận mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT													
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
PO1	4											3		
PO2		5												
PO3			4											
PO4				3			2							
PO5					3							3	2	4
PO6						3				2	3		4	2
PO7							5	5	3	3	3		3	
PO8		3		2	2		5	4	5	3	3		3	
PO9							4	6	4	3	3	3	3	

Ghi chú:

Đối với kiến thức: 1-Nhớ; 2-Hiểu; 3-Vận dụng; 4-Phân tích; 5-Đánh giá; 6-Sáng tạo.

Đối với kỹ năng: 1-Bắt chước; 2-Vận dụng; 3-Chính xác; 4-Thành thạo; 5-Bản năng.

Đối với năng lực tự chủ và tự chịu trách nhiệm: 1-Tiếp nhận; 2-Hồi đáp; 3-Đánh giá; 4-Tổ chức; 5-Tính cách.

7. Phương pháp dạy - học và phương pháp kiểm tra đánh giá

7.1. Phương pháp dạy - học

- Chuẩn bị của giảng viên: Giảng viên chuẩn bị bài giảng, nắm vững nội dung giảng dạy chuẩn bị hồ sơ lên lớp gồm đề cương, giáo trình, danh sách theo dõi quá trình học tập của sinh viên đây đủ theo yêu cầu của từng học phần (được ghi trong đề cương chi tiết). Dựa vào Đề cương chi tiết học phần đã được phê duyệt, giảng viên chuẩn bị bài giảng bám sát chuẩn đầu ra của học phần (bao gồm các kiến thức và kỹ năng cần đạt được của học phần). Mỗi khóa học có sĩ số và chất lượng sinh viên khác nhau, giảng viên cần nắm rõ tình hình lớp để điều chỉnh phương pháp giảng dạy sao cho kết thúc học phần sinh viên đạt được những năng lực cần thiết như đã đề ra. Giảng viên chủ động đầu mối với các bộ phận có liên quan để chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học phục vụ quá trình giảng dạy, học tập và thực hành của sinh viên.

- Các phương pháp dạy học: Kết hợp linh hoạt hệ thống các phương pháp giảng dạy truyền thống và các phương pháp giảng dạy hiện đại; tận dụng tối đa các thành tựu khoa học và công nghệ phục vụ giáo dục vào giảng dạy nhằm phát huy tính tích cực chủ động, sáng tạo trong học tập, trong tư duy của học viên. Các phương pháp giảng dạy chủ yếu được sử dụng như: Phương pháp thuyết trình (áp dụng cho giảng dạy lý thuyết), phương pháp động não, đặt vấn đề, hoạt động nhóm, dự án, mô phỏng, nghiên cứu tình huống (áp dụng cho các tiết thảo luận, bài tập), phương pháp lớp học đảo ngược, thực hành, thăm quan thực tế doanh nghiệp (áp dụng cho các tiết học thực hành, thực tế).

- Cải tiến, nâng cao chất lượng dạy học: Thực hiện thông qua tự đánh giá của giảng viên, phản hồi của SV và của đồng nghiệp. Thông qua kết quả thu được của mỗi bài giảng, bài kiểm tra, giảng viên tự đánh giá được chất lượng bài giảng và không ngừng tìm hiểu nâng cao kiến thức, kinh nghiệm thực tế cũng như phương pháp truyền thụ để cải tiến chất lượng dạy học. Ở buổi học đầu, giảng viên cung cấp thông tin cá nhân và các kênh liên lạc để trao đổi học thuật và nhận phản hồi góp ý từ sinh viên, cung cấp đề cương chi tiết học phần cho sinh viên Cuối kỳ giảng viên, bộ môn hoặc khoa sẽ phát phiếu đề sinh viên đánh giá, góp ý toàn bộ quá trình giảng dạy. Mỗi học kỳ bộ môn và Khoa tổ chức dự giờ để đánh giá và góp ý giờ giảng. Bên cạnh đó, thông qua các buổi sinh hoạt chuyên môn học thuật, người dạy có được thông tin đa chiều trong việc cải tiến phương pháp dạy và học, cũng như đánh giá người học.

7.2. Các phương thức đánh giá

Có nhiều hình thức và phương pháp đánh giá được áp dụng trong quá trình giảng dạy như đánh giá sự chuyên cần, đánh giá kiến thức, đánh giá quá trình, giữa kỳ và cuối kỳ, cụ thể:

- Đánh giá quá trình (30%): Được tiến hành thường xuyên dựa theo tiến trình đã được nêu trong Đề cương chi tiết học phần, trong số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức đánh giá thông qua hỏi đáp nhanh, kiểm tra miệng, bài tập nhóm, bài kiểm tra 15 phút, câu hỏi trắc nghiệm.

- Đánh giá giữa kỳ (20%): Được thực hiện trong khoảng tuần thứ 6 đến tuần 9 trong tiến trình đào tạo, đã được xác định trong Đề cương chi tiết học phần, trong số 30% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Các hình thức đánh giá bao gồm: bài kiểm tra 1 tiết, vấn đáp, bài tập lớn hoặc đồ án môn học.

- Đánh giá cuối kỳ (50%): Được thực hiện thông qua bài thi cuối kỳ do Phòng Quản lý đào tạo xếp lịch, trong số 50% trong đánh giá kết quả cuối kỳ của sinh viên. Hình thức thi theo đề xuất của bộ môn và phải được Nhà trường phê duyệt, các hình thức bao gồm: viết, vấn đáp, làm bài tập lớn.

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Cấu trúc chương trình dạy học

TT	Khối kiến thức, số TC	Loại HP	Số TC
1	Kiến thức chung 41 tín chỉ	Bắt buộc	37
		Tự chọn	4
2	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp 72 tín chỉ	Bắt buộc	49
		Tự chọn	23
3	Kiến thức rèn nghề, thực tập 5 tín chỉ	Bắt buộc	5
		Tự chọn	0
4	Khóa luận/học phần thay thế 6 tín chỉ	Bắt buộc	6
		Tự chọn	0
Tổng số:		124 tín chỉ	

2. Danh sách và mô tả các học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Mô tả nội dung học phần	Tài liệu tham khảo
A	Kiến thức giáo dục đại cương (41 TC)			
I	Lý luận chính trị (13TC)			
1	196055	Triết học Mác-Lênin (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: 3 chương. Chương 1: Trình bày khái quát về nguồn gốc, bản chất của triết học; sự hình thành, phát triển của triết học Mác – Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội. Chương 2: Trình bày quan điểm của triết học Mác – Lênin về vật chất, ý thức; các nguyên lý, các quy luật, các cặp phạm trù; lý luận nhận thức. Chương 3: Trình bày quan điểm duy vật lịch sử về sự tồn tại, vận động, phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp, dân tộc, nhà nước, cách mạng xã hội, ý thức xã hội và triết học về con người.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sau khi kết thúc học phần học nắm vững lý luận triết học Mác – Lênin, trên cơ sở đó xác lập được thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp luận khoa học và vận dụng lý luận đó để nhận thức và cải tạo thế giới; xác lập được phẩm chất đạo đức cách mạng, có lập trường tư tưởng chính trị vững vàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, (Dành cho bậc Đại học - không chuyên Lý luận chính trị) NXB Quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>2- Bộ GD & ĐT (2015), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i>, (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh), NXB CTQG</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Nguyễn Ngọc Long, Nguyễn Hữu Vui (2005), <i>Giáo trình triết học Mác-LêNin</i> (Dùng trong các trường đại học, cao đẳng) H: CTQG</p> <p>4- Nguyễn Hữu Vui (1997), <i>Lịch sử triết học</i>, NXB CTQG</p>
			<p>- Nội dung học phần gồm: Nội dung học phần bao gồm 6 chương: Trong đó chương 1 trình bày về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 4 trình bày nội dung cốt lõi của chủ nghĩa Mác – Lênin về hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường. Chương 5 và chương 6 trình bày</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT (2021), <i>Giáo trình Triết học Mác-Lênin</i>, (Dành cho bậc Đại học - không chuyên Lý luận chính trị) NXB Quốc gia Sự thật, Hà Nội</p>

2	196060	Kinh tế chính trị Mác-Lênin (2 tín chỉ)	<p>những vấn đề chủ yếu về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học biết vận dụng kiến thức của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành và hoạt động thực tiễn của bản thân một cách năng động, sáng tạo; Vận dụng các vấn đề lý luận đã học để hiểu rõ và thực hiện tốt chủ trương, đường lối, chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>2- Bộ GD & ĐT (2004), <i>Giáo trình Kinh tế chính trị Mác-Lênin</i>, NXB CTQG</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- <i>Văn kiện Đại hội Đảng toàn quốc tập 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12</i> (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001), NXB CTQG.</p>
3	196065	Chủ nghĩa xã hội khoa học (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần có 7 chương, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản, cốt lõi nhất về CNXH khoa học: xác định đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học; quá trình hình thành, phát triển CNXH; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; CNXH và các vấn đề xã hội, giai cấp, dân tộc, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên CNXH.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có được năng lực hiểu biết thực tiễn và khả năng vận dụng các tri thức về chủ nghĩa xã hội vào việc xem xét, đánh giá những vấn đề chính trị - xã hội của đất nước liên quan đến CNXH và con đường đi lên CNXH ở nước ta. Sinh viên lý giải và có thái độ đúng đắn với con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD & ĐT (2021), <i>Chủ nghĩa xã hội khoa học</i>, (Dành cho bậc Đại học - không chuyên Lý luận chính trị), NXB Quốc gia Sự thật, Hà Nội Tài liệu tham khảo:</p> <p>2. <i>Giáo trình những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin (Dành cho sinh viên ĐH, CĐ khối không chuyên ngành Mác – Lê Nin, Tư tưởng Hồ Chí Minh)</i> (2015), NXB CTQG</p> <p>3. Bộ giáo dục đào tạo (2008), <i>Giáo trình chủ nghĩa xã hội khoa học (Dùng trong các trường ĐH, CĐ)</i>, NXB CTQG</p>
			<p>- Nội dung của học phần: Học phần Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam bao gồm 3 chương và chương nhập môn. Chương nhập môn: Trình bày khái quát về đối tượng, chức năng và phương pháp nghiên cứu của môn lịch sử Đảng. Chương 2: Trình bày sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam, cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và quá trình Đảng lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền giai đoạn 1930-1945. Chương 2: Trình bày quá trình đảng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ GD&ĐT (2021), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, NXB Quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>2- Bộ GD&ĐT (2006), <i>Lịch sử Đảng CSVN</i>, NXB CTQG</p>

4	198030	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành cách mạng giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước giai đoạn 1945 -1975. Chương 3: Trình bày quá trình Đảng lãnh đạo cả nước quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới đất nước giai đoạn 1975 đến nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm vững về sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam; vai trò lãnh đạo của Đảng đối với đối với tiến trình cách mạng Việt Nam từ khi Đảng cộng sản Việt Nam ra đời đến nay. Xác lập được niềm tin vào vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Từ đó thấy được vai trò, trách nhiệm của bản thân trong công cuộc đổi mới đất nước do Đảng khởi xướng và lãnh đạo.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Bộ GD&ĐT (2007), <i>Một số chuyên đề Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam, tập I, II, III</i>, NXB CTQG</p> <p>4- Văn kiện Đảng toàn tập tập: I, II, III, IV, V, VI, VII, VIII, IX, X, XI, XII, XIII (2002, 2002, 1999, 1999, 2002, 2000, 2000, 2000, 2001, 2001, 2001, 2001) NXB CTQ</p>
5	197035	Tư tưởng HCM (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Nội dung môn học gồm 6 chương: Chương 1, 2 trình bày khái niệm, cơ sở, quá trình hình thành, phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hiểu đúng hệ thống tư tưởng Hồ Chí Minh và vai trò tư tưởng Hồ Chí Minh đối với cách mạng Việt Nam. Từ đó hình thành cho người học năng lực tư duy lý luận và phương pháp công tác để rèn luyện và hoàn thiện bản thân trên lập trường quan điểm chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; Biết vận dụng kiến thức đã học để lý giải, đánh giá đúng đắn các hiện tượng xã hội, qua đó thêm tin tưởng vào sự lãnh đạo đất nước của Đảng cộng sản Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bộ Giáo dục & Đào tạo (2021), <i>Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh</i>. NXB Quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Bộ Giáo dục và đào tạo (2019), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh (dự thảo)</i></p> <p>3- Hồ Chí Minh (2016), <i>Biên niên tiểu sử</i> (10 tập). NXB Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội</p> <p>4- Hồ Chí Minh (2011), <i>Toàn tập</i>. NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội</p> <p>5- Võ Nguyên Giáp (2008), <i>Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam</i>. NXB Chính trị quốc gia.</p>
			- Nội dung học phần gồm: Học phần trang bị cho người học những kiến thức	Tài liệu bắt buộc:

6	197030	Pháp luật đại cương (2 tín chỉ)	<p>ơ bản về nhà nước và pháp luật. Để đạt được mục tiêu đó, nội dung của học phần bao gồm những vấn đề cơ bản nhất, chung nhất về nhà nước và pháp luật, đồng thời có sự liên hệ với nhà nước và pháp luật nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp những kiến thức pháp lý cơ bản luật một số ngành luật gồm: Luật hiến pháp, luật hành chính, Luật phòng chống tham nhũng, Luật hình sự, Luật dân sự, Luật hôn nhân và gia đình, Luật lao động.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được kiến thức đã học vào việc xử lý các vấn đề liên quan đến pháp luật tại nơi làm việc và trong cộng đồng dân cư; phân biệt được tính hợp pháp, không hợp pháp của các hành vi biểu hiện trong đời sống hằng ngày; có khả năng tổ chức các hoạt động góp phần thực hiện kỉ luật học đường, kỉ cương xã hội.</p>	<p>1- Lê Văn Minh (chủ biên), (2016), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Lao động (Quyển 1).</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Lê Minh Toàn (chủ biên), (2012), <i>Giáo trình pháp luật đại cương</i>, NXB Chính trị Quốc gia (Quyển 1)</p> <p>3- Lê Minh Tâm, Nguyễn Minh Đoan, (2015), <i>Giáo trình lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công an nhân dân (Quyển 2).</p>
II Khoa học xã hội (8TC)				
7	156012	Phương pháp nghiên cứu khoa học chuyên ngành kinh tế và QTKD (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức nền tảng về khoa học và phương pháp nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực kinh tế - quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần tập trung vào các nguyên lý cơ bản trong phương pháp nghiên cứu, mục đích của nghiên cứu cũng như cách thức tiến hành nghiên cứu, các bước trong một quy trình nghiên cứu, từ việc xác định vấn đề nghiên cứu, đặt câu hỏi nghiên cứu, lập kế hoạch nghiên cứu cho tới tiến hành thu thập, xử lý và phân tích dữ liệu, viết báo cáo và trình bày kết quả nghiên cứu.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng tiến hành các hoạt động nghiên cứu khoa học cụ thể như viết tiểu luận, làm bài tập lớp, làm đề tài NCKH, viết luận văn.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Tiến Khai (2014), <i>Phương pháp nghiên cứu kinh tế</i>, ĐH Kinh tế TP. Hồ Chí Minh, NXB Lao động xã hội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD.</p> <p>3- Vũ Cao Đàm (2019), <i>Giáo trình phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p>
			<p>- Nội dung học phần gồm: Những tri thức liên quan đến văn hoá Việt Nam; phân vùng văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam từ cội nguồn cho đến hiện đại; các thành tố của văn hóa Việt Nam; bản sắc văn hóa Việt Nam;</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Ngọc Thêm (2000), <i>Cơ sở văn hoá Việt Nam</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội</p>

8	121005	Cơ sở văn hoá Việt Nam (2 tín chỉ)	<p>các giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên trình bày được những thành tố cơ bản của văn hóa; nhận diện, phân tích, đánh giá những hiện tượng văn hóa Việt Nam từ đó rút ra những đặc trưng truyền thống văn hóa dân tộc; vận dụng vào việc phân tích, giải thích các hiện tượng văn hóa trong đời sống hiện nay.</p>	<p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Trần Quốc Vượng (2002), <i>Cơ sở văn hoá VN</i>, NXB Giáo dục</p> <p>3- Đào Duy Anh (2002), <i>Việt Nam văn hóa sử cương</i>, NXB Văn hóa thông tin</p> <p>4- Phan Kế Bính (1999), <i>Việt Nam phong tục</i>, NXB Văn học</p>
9	<i>Chọn 1 trong 3 học phần</i>			
a	196025	Logic học đại cương (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: Ngoài chương mở đầu nhằm giới thiệu về đối tượng, mục đích, yêu cầu, phương pháp học tập và ý nghĩa nghiên cứu môn học, nội dung chương trình môn học được chia thành 5 chương trình bày các hình thức lôgic và các quy luật cơ bản của tư duy. Phần thứ nhất giới thiệu bản chất, cấu trúc, các loại, quan hệ giữa các khái niệm và các thao tác trên khái niệm. Trên cơ sở khái niệm, đơn vị cơ bản cấu thành tư tưởng, chương 3 phân tích kết cấu của tư tưởng, các đơn vị và mối liên hệ giữa các đơn vị cấu thành một tư tưởng để khẳng định hay phủ định thuộc tính, quan hệ hay sự tồn tại của đối tượng. Chương 4 giới thiệu các quy luật cơ bản của lôgic hình thức, các chương còn lại tập trung phân tích các thao tác tư duy gồm các phép suy luận suy diễn và suy luận quy nạp, chứng minh và bác bỏ, trong đó giới thiệu cấu trúc, hình thức, phương pháp, các loại và đặc biệt là các quy tắc lôgic cho các loại suy luận giúp cho người học nâng cao năng lực tư duy và rút ra những tri thức chân xác.</p> <p>- Năng lực đạt được: Hình thành và phát triển các năng lực: Năng lực tư duy phân biện, sáng tạo; Năng lực nghiên cứu khoa học.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Vương Tất Đạt (2000), <i>Lôgic học đại cương</i>, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Lưu Hà Vĩ (1996), <i>Lôgic hình thức</i>, NXB CTQG</p> <p>3- Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh khu vực 1 (2007), <i>Giáo trình Lôgic học (tái bản lần thứ hai có sửa chữa, bổ sung)</i>, NXB Chính trị quốc gia</p>
b	125105	Môi trường và con người (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm, phân loại môi trường; các vấn đề về tài nguyên thiên nhiên, các nguyên lý sinh thái học cơ bản trong khoa học môi trường; vị trí của con người trong hệ sinh thái; mối quan hệ giữa môi trường, tài nguyên thiên nhiên với sự phát triển kinh tế - xã hội; tác động của con người đến môi trường; thực trạng, nguyên nhân và hậu quả ô nhiễm môi</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lê Văn Khoa (chủ biên) (2011). <i>Giáo trình Môi trường và con người</i>. NXB GD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

			<p>trường không khí, đất, nước... trên thế giới cũng như Việt Nam; các biện pháp bảo vệ môi trường và phát triển bền vững; các vấn đề về an toàn lao động trong sản xuất và cuộc sống.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên biết phát hiện và giải quyết tốt các tình huống sinh thái, môi trường trong cuộc sống; tính toán, phân tích được mối quan hệ giữa dân số, tài nguyên và môi trường, từ đó đánh giá một cách định tính và định lượng các yếu tố này trong việc sử dụng tài nguyên và BVMT; XD được kế hoạch và thực hiện tốt các kỹ năng về vệ sinh và an toàn lao động.</p>	<p>2- Nguyễn Xuân Cự, Nguyễn Thị Phương Loan (2011), <i>Giáo trình môi trường và con người</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p> <p>3- Luật An toàn, vệ sinh lao động số 84/2015/QH 13</p> <p>4- Mai Đình Yên (chủ biên) (1997), <i>Môi trường và con người</i>, NXB Giáo dục, Hà Nội.</p>
c	181002	Tâm lý trong quản lý kinh doanh (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Tổng quan về tâm lý học quản lý kinh doanh; Đặc điểm tâm lý của các đối tượng trong kinh doanh; Vấn đề giao tiếp và quản lý con người trong quản lý kinh doanh; Quảng cáo thương mại với tâm lý người tiêu dùng.</p> <p>- Năng lực cần đạt được: nhận diện đặc điểm tâm lý cơ bản của các đối tượng khách hàng, người bán hàng, người lãnh đạo trong QLKD; Giao tiếp trong hoạt động QLKD có hiệu quả cũng như xây dựng được một số hoạt động tiếp thị, quảng cáo thương mại hiệu quả dựa trên việc ứng dụng phù hợp tâm lý người tiêu dùng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Bá Dương, Đức Uy (2007), <i>Giáo trình tâm lý học kinh doanh</i>, NXB T.kê</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Hữu Thụ (2009), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>3- Nguyễn Thị Thu Hiền (2000), <i>Tâm lý học quản trị kinh doanh</i>, NXB Thống kê.</p> <p>4- Nguyễn Quang Uẩn (2002), <i>Tâm lý học đại cương</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p>
10	Chọn 1 trong 3 học phần			
a	125225	Địa lý kinh tế Việt Nam* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần địa lý kinh tế Việt Nam bao gồm những nội dung cơ bản sau: Đặc điểm lãnh thổ, vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên Việt Nam; Đặc điểm dân cư, lao động và các vấn đề của xã hội Việt nam như: Đô thị hóa, việc làm, chất lượng cuộc sống...; Đặc điểm phát triển kinh tế ở các vùng lãnh thổ Việt Nam, gồm: 7 vùng kinh tế tự nhiên và 04 vùng kinh tế trọng điểm.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có được những kiến thức cơ bản về các</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lê Thông (2011), <i>Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, NXB ĐHSB Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2- Đỗ Thị Minh Đức (Chủ biên) (2012), <i>Giáo trình Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam</i>, Tập 2, NXB Đại học sư phạm.</p>

			<p>nguồn lực phát triển kinh tế Việt Nam; so sánh các mối liên hệ phát triển kinh tế của các vùng kinh tế với nhau; xử lý, phân tích số liệu thống kê và khai thác thông tin địa lí kinh tế VN từ bản đồ.</p>	<p>3- Nguyễn Thị Vang (2005), <i>Địa lý kinh tế Việt Nam</i>, NXB Nông nghiệp, Hà Nội</p> <p>4- Trần Văn Thông (2001), <i>Địa lý kinh tế Việt Nam</i>, NXB Thống kê</p>
b	196030	Lịch sử các học thuyết kinh tế* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần gồm 6 chương. Chương mở đầu cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đối tượng, phương pháp và ý nghĩa của việc nghiên cứu môn Lịch sử các học thuyết kinh tế. Các chương còn lại cung cấp hệ thống quan điểm, lý luận kinh tế của các đại biểu tiêu biểu trong học thuyết kinh tế tư sản cổ điển, học thuyết kinh tế chính trị tiểu tư sản, học thuyết kinh tế của chủ nghĩa xã hội không tưởng Tây Âu thế kỷ 19, quá trình phát sinh và phát triển của KTCT Mác- Lênin, học thuyết kinh tế tư sản hiện đại.</p> <p>- Năng lực đạt được:</p> <p>+ Sau khi kết thúc học phần, người học nắm được những quan điểm cơ bản trong các học thuyết kinh tế, từ đó đánh giá được những đóng góp có giá trị khoa học và những hạn chế mang tính lịch sử của các học thuyết đó.</p> <p>+ Phân tích, đánh giá được những vấn đề của nền kinh tế thị trường.</p> <p>+ Biết vận dụng kiến thức lý luận của môn học vào việc tiếp cận các môn khoa học chuyên ngành.</p> <p>+ Vận dụng những kiến thức đã học vào hoạt động thực tiễn sau này nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động kinh tế.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Bình Trọng (2008) <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân, Hà Nội.</p> <p>2- Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh - Khoa Kinh tế chính trị (2000), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>3- Đảng Cộng sản Việt Nam, (2006), <i>Văn kiện ĐH đại biểu toàn quốc lần thứ X</i>, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.</p>
c	151075	Lịch sử kinh tế quốc dân* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nền kinh tế thế giới và Việt Nam. Học phần đưa ra quy trình phát triển kinh tế của một số quốc gia tiên tiến trên thế giới là Mỹ, Nhật Bản, Trung Quốc, Liên Xô, Các nước đang phát triển và ASEAN. Từ đó rút ra vài học phát triển kinh tế cho Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học phân tích được mô hình phát triển kinh tế của các nước 1 cách tổng hợp và chính xác. Vận dụng được những bài học kinh</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Huy Vinh, Trần Khánh Hưng (2013), <i>Giáo trình Lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Trí Dĩnh, Phạm Thị Quý (2008),</p>

			<p>nghiệm về phát triển kinh tế của các nước trên thế giới vào việc hiểu và nhận biết quá trình phát triển kinh tế thực tế của Việt Nam trong các giai đoạn lịch sử khác nhau, từ đó rút ra được xu hướng vận động khách quan của các mô hình phát triển kinh tế.</p>	<p><i>Giáo trình lịch sử kinh tế</i>, NXB ĐHQGHN</p>
III	Ngoại ngữ (10TC)			
11	133031	<p>Tiếng Anh 1 (4 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Elementary (3rd edition) và giáo trình Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A. Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: đại từ nhân xưng, động từ “to be”, danh từ, tính từ sở hữu, mạo từ, động từ, tân ngữ, đại từ sở hữu, đại từ phản thân, tính từ, trạng từ, so sánh tính từ, trạng từ, giới từ, hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, be going to, tương lai đơn, hiện tại hoàn thành. Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ tiền A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử..Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Clive Oxenden, Christina Latham-Koenig and Paul Seligson (2012), <i>English File-Elementary 3rd</i>, Oxford University Press.</p> <p>2- Nguyễn Thị Quyết (2018), <i>Ngữ pháp căn bản tiếng Anh trình độ A (cuốn 1)</i>. Nhà xuất bản Thanh Hoá.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Raymond Murphy (2013), <i>Grammar in use. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng. 130 bài tập thực hành</i>. NXB Thời đại</p> <p>4- Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test 2</i>, Cambridge University Press</p>

12	133032	Tiếng Anh 2 (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng Nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình Ngữ Pháp căn bản Tiếng Anh (Trình độ B) và English File Pre-Intermediate (3rd edition). Ngữ âm: Giới thiệu và luyện tập các ký hiệu phiên âm tiếng Anh trong Bảng phiên âm quốc tế IPA, trọng âm từ, trọng âm câu. Ngữ pháp: Giới thiệu hệ thống lý thuyết và bài tập về các yếu tố ngữ pháp như: các thì trong tiếng Anh, động từ khuyết thiếu, câu điều kiện, câu giả định, thể bị động, lời nói gián tiếp, danh động từ và động từ nguyên thể, cấu trúc used to, be used to.... Từ vựng: Giới thiệu hệ thống từ vựng thông thường theo các chủ đề gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở dạng làm quen ban đầu. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Elementary 3rd Edition. Oxford University Press.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để nghe hiểu những bài nói đơn giản về các chủ đề quen thuộc ở mức độ A2. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để trình bày ngắn gọn về các chủ đề quen thuộc dù có thể đôi lúc vẫn còn ngập ngừng. Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để viết các dạng văn bản khác nhau ở trình độ A2 như văn miêu tả, kể chuyện, mẫu đơn, thư tín, thư điện tử,... Người học có khả năng sáng tạo trong quá trình lập kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp trong học tập. Người học có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết trong Tiếng Anh.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Christina Latham –Kooeing, Clive Oxenden and Paul Seligson (2011), <i>English File. Pre-intermediate, 3rd edition</i>. NXB Văn Hóa Thông Tin.</p> <p>2- Nguyễn Thị Quyết và các cộng sự (2018), <i>Ngữ pháp tiếng Anh căn bản – trình độ B</i>, NXB Thanh Hoá</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- RaymondMurphy (2004), <i>Essential1</i>. Raymond Murphy (2013), <i>Grammar In Use</i>. Ngữ pháp tiếng Anh thông dụng, 130 bài tập thực hành. NXB Thời đại.</p> <p>4- Cambridge ESOL (2013), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press.</p> <p>5- Cambridge ESOL (2014), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>. Cambridge University Press.</p>
13	133033	Tiếng Anh 3 (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần gồm: Học phần gồm các nội dung sau: ngữ âm, ngữ pháp cơ bản, từ vựng và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết được luyện theo các chủ đề trong giáo trình English File Pre-Intermediate (3rd edition) và Target PET. Từ vựng: Bổ sung hệ thống từ vựng sử dụng trong hầu hết các tình huống giao tiếp thông thường. Kỹ năng: Các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Clive Oxenden, Christina Latham–Koenig and Paul Seligson (2013), <i>English File–Preintermediate 3rd edition</i>. Oxford</p>

			<p>ở trình trung cấp. Cả 4 kỹ năng được dạy theo nội dung các bài học trong giáo trình: <i>Clive Oxenden, Christina Latham – Koenig and Paul Seligson, 2013. English File – Pre-intermediate 3 rd Edition. Oxford University Press</i> và <i>Sue Ireland, Joanna Kosta. Target PET. Richmond Publishing.</i></p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để đáp ứng được năng lực bậc 3/6 theo KNLNNVN, có năng lực sử dụng hiệu quả các nguồn kiến thức, kỹ năng, thái độ để tạo tiền đề nghiên cứu tiếp những bậc cao hơn, có khả năng sáng tạo trong quá trình đặt kế hoạch và thực hiện các dự án, đề xuất các giải pháp, có năng lực tự học, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ của mình.</p>	<p>University Press.</p> <p>2. Sue Ireland, Joanna Kosta. <i>Target PET.</i> Richmond Publishing.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Raymond Murphy (1997), <i>Ngữ Pháp thông dụng tiếng Anh: English Grammar In Use</i>, Nhà Xuất Bản Hà Nội</p> <p>4- Cambridge ESOL (2011), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press</p> <p>5- Cambridge ESOL (2015), <i>Cambridge Preliminary English Test</i>, Cambridge University Press</p>
IV Toán - Tin học - Khoa học tự nhiên (10TC)				
14	114025	<p>Toán cao cấp (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Giới thiệu khái quát về lý thuyết tập hợp, hệ thống số thực và số phức, quan hệ và suy luận logic; Các kiến thức cơ bản về ma trận, các phương pháp tính định thức và cách giải hệ phương trình tuyến tính; Phép tính vi phân và tích phân của hàm số.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong học phần, sinh viên biết vận dụng các kiến thức toán học vào giải quyết một số bài toán chuyên ngành.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). <i>Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2- Nguyễn Đình Trí (chủ biên) - Tạ Văn Đĩnh - Nguyễn Hồ Quỳnh (2013). <i>Bài tập Toán học cao cấp, tập 1, tập 2, tập 3</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Nguyễn Duy Thuận (Chủ biên) - Phí Mạnh Ban, Nông Quốc Chinh (2004). <i>Đại số tuyến tính</i>, NXB Đại học Sư phạm.</p> <p>4- Nguyễn Tiến Quang - Lê Đình Nam (2014). <i>Cơ sở Đại số tuyến tính</i>, (Dùng cho</p>

				sinh viên các trường đại học và cao đẳng kỹ thuật), NXB Giáo dục Việt Nam.
15	114005	Xác suất thống kê (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Sự kiện ngẫu nhiên, sự kiện sơ cấp, không gian sự kiện sơ cấp, khái niệm xác suất, các tính chất của xác suất, biến ngẫu nhiên, hàm phân phối của biến ngẫu nhiên, các tính chất của hàm phân phối, các số đặc trưng, luật số lớn, định lý giới hạn trung tâm; một số vấn đề thống kê toán học, mẫu ngẫu nhiên, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết thống kê, (kiểm định về trung bình, kiểm định về xác suất...)</p> <p>- Năng lực đạt được: có kiến thức cơ bản về xác suất, có khả năng xử lý số liệu thống kê để có những kết luận đúng đắn và từ đó đưa ra các quyết định với độ tin cậy cao; có khả năng vận dụng tốt kiến thức xác suất thống kê để giải quyết các vấn đề chuyên ngành như: giáo dục, kinh tế, kỹ thuật.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đào Hữu Hồ (2001), <i>Xác suất và Thống kê</i>, Đại học Quốc gia HN</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Phạm Văn Kiên, Lê Thiên Hương (2001), <i>Xác suất thống kê</i>, NXB GD.</p> <p>3- Tổng Đình Quý (2000). <i>Hướng dẫn giải bài tập xác suất thống kê</i>, NXB Giáo dục.</p>
16	173080	Tin học (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các kiến thức cơ bản về thông tin và xử lý thông tin, cấu trúc chung của máy tính, biểu diễn thông tin trong máy tính. Các khái niệm về dữ liệu, phần cứng, phần mềm, hệ điều hành, mạng máy tính, Internet và virus máy tính. Tìm kiếm và khai thác, sử dụng tài nguyên thông tin trên máy tính và trên Internet. Sử dụng các phần mềm soạn thảo văn bản Word, phần mềm xử lý bảng tính Excel và phần mềm trình chiếu Powerpoint.</p> <p>- Năng lực đạt được: sinh viên sử dụng máy tính đúng cách, tổ chức dữ liệu trên máy tính một cách khoa học, có hệ thống; khai thác các tài nguyên trong máy tính và trên mạng Internet một cách an toàn, hiệu quả; sử dụng thành thạo các phần mềm soạn thảo văn bản, xử lý bảng tính, trình chiếu, dịch vụ Email để phục vụ việc học tập, nghiên cứu và làm việc.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Ngọc Cương, Vũ Chí Quang (2015) <i>Giáo trình tin học cơ sở</i>, NXB ĐHSP.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Lê Thị Hồng (CB), Phạm Thế Anh, Phạm Thị Hồng (2010) <i>Tin học căn bản</i>, NXB KH&KT.</p> <p>3- Hàn Việt Thuận (2007), <i>Giáo trình Tin học đại cương</i>, NXB ĐHQTKD.</p>
17	151090	Lý thuyết mô hình toán kinh tế (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần đề cập tới các mô hình tối ưu ứng dụng trong phân tích hành vi của các tác nhân kinh tế. Trên cơ sở nguồn lực có giới hạn các tác nhân luôn muốn đạt mục tiêu tối đa, với công cụ toán học phân tích các mô hình hành vi giúp đưa ra các quyết định lựa chọn tối ưu nhất và phân tích tác động của một số yếu tố ngoại sinh tới hành vi; Những phương pháp thiết lập mô hình quy hoạch tuyến tính để mô tả các vấn đề, tình huống trong</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Hoàng Đình Tuấn (2015), <i>Lý thuyết mô hình toán kinh tế</i>, NXB KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Lê Đình Thuý (2007), <i>Toán cao cấp cho</i></p>

			<p>quản lý kinh doanh, như bài toán lập kế hoạch sản xuất, bài toán bố trí sản xuất và tiêu thụ.... Phân tích mô hình và tìm lời giải cho vấn đề tối ưu của các nhà quản lý; Phân tích và dự báo mô hình cân đối liên ngành, một số các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các kiến thức đã học để xây dựng, phân tích và dự báo các mô hình kinh tế. Từ đó kiến nghị những quyết định lựa chọn tối ưu nhất cho các tác nhân kinh tế.</p>	<p><i>các nhà kinh tế Phần 2</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Nguyễn Quang Dong, Ngô Văn Thứ (2006), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i>, NXB Thống kê</p> <p>4- Hoàng Đình Tuấn (2007), <i>Mô hình toán kinh tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
V	Giáo dục thể chất			
1	191004	Giáo dục thể chất 1 (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Những kiến thức lý thuyết cơ bản về môn học lý luận và phương pháp giáo dục thể chất trong trường đại học cũng như cơ sở khoa học của công tác giáo dục thể chất. Nguồn gốc, lịch sử hình thành và phát triển, lợi ích, tác dụng, một số điều luật cơ bản, phương pháp tập luyện và tổ chức thi đấu. Các nguyên lý, kỹ thuật của bài thể dục tay không phát triển chung 9 động tác, kỹ thuật chạy cự ly ngắn và kỹ thuật nhảy xa uỡn thân.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kỹ năng hoàn thành chính xác và đẹp bài thể dục phát triển chung 9 động tác; Có kỹ năng thực hiện tốt kỹ thuật chạy ngắn, kỹ thuật nhảy xa; Vận dụng được những kiến thức đã học của kỹ thuật chạy ngắn và kỹ thuật nhảy xa vào trong quá trình tập luyện cũng như có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài các môn : Chạy cự ly ngắn, môn nhảy xa</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1- Nguyễn Đại Dương (2006), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>2- Ủy ban TĐTT (2015), <i>Luật Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>3- Nguyễn Đại Dương (2000), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB TĐTT.</p> <p>4- Nguyễn Kim Minh, Nguyễn Trọng Hải, Trần Đồng Lâm, Đặng Ngọc Quang (2004), <i>Giáo trình Điền kinh</i>, NXB ĐH Sư phạm.</p>
2	Giáo dục thể chất 2 (Chọn 1 trong 5 học phần)			
A	191031	Bóng chuyền (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các nội dung về lý thuyết bao gồm: Ý nghĩa tác dụng, lịch sử phát triển môn bóng chuyền; các kỹ thuật bóng chuyền; Luật thi đấu môn bóng chuyền. Các nội dung về thực hành: Kỹ thuật cơ bản môn bóng chuyền (Tu thể chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyền bóng thấp tay (đệm bóng) trước mặt, phát bóng trước mặt, chuyền bóng cáo tay trước mặt, chắn bóng và đập bóng)</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn bóng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Việt Minh, Hồ Đắc Sơn (2007), <i>Giáo trình Bóng chuyền</i>, NXB ĐHSP, HN.</p> <p>2- Ủy ban TĐTT (2003), <i>Luật bóng chuyền</i>, NXB TĐTT, Hà Nội.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Nguyễn Quang (2001), <i>Hướng dẫn tập</i></p>

			<p>chuyên (Tư thế chuẩn bị, các kỹ thuật di chuyển, chuyên bóng thấp tay trước mặt, phát bóng thấp tay trước mặt và cao tay trước mặt); biết được kỹ thuật chuyên bóng cao tay trước mặt, chắn bóng, đập bóng cơ bản số 4. Tự rèn luyện nâng cao thể chất; có khả năng tổ chức thi đấu, làm trọng tài môn bóng chuyên ở các giải phong trào.</p>	<p><i>luyện và thi đấu bóng chuyên</i> NXB TĐTT, Hà Nội.</p> <p>4- Ủy ban TĐTT (1998), <i>Bóng chuyên bóng rổ</i>, NXB TĐTT Hà Nội.</p>
B	191032	<p>Thể dục Aerobic (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần tự chọn thể dục aerobic giúp cho sinh viên thực hành kỹ thuật cơ bản môn thể dục aerobic, kiến thức, kỹ năng về thực hành bao gồm: Các tư thế cơ bản của tay, các bước cơ bản chân, nhóm độ khó, thấp, đội hình và bài liên kết thể dục aerobic. Qua đó sinh viên biết cách tập luyện môn aerobic, góp phần nâng cao sức khỏe, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục giáo dục toàn diện</p> <p>- Năng lực đạt được: Có kỹ năng thực hành và thể hiện được những yêu cầu chính của kỹ thuật động tác trong bài tập aerobic: các động tác cơ bản, tư thế vận động, đội hình trong tập luyện và thi đấu. Sinh viên có thái độ nghiêm túc, luôn học hỏi và sáng tạo; có khả năng tự lập kế hoạch tập luyện môn thể dục aerobic nhằm nâng cao sức khỏe, có năng lực hướng dẫn phong trào tập luyện môn thể aerobic</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đinh Khánh Thu (2014), <i>Giáo trình Thể dục Aerobic</i>, NXB TĐTT</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>2- Vũ Thanh Mai (2011), <i>Giáo trình Khiêu vũ thể thao</i>, NXB TĐTT</p> <p>3- Nguyễn Xuân Sinh (2009), <i>Thể dục</i>, NXB TĐTT</p>
C	191033	<p>Bóng đá (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần Bóng đá bao gồm: Lịch sử phát triển, luật bóng đá (Sân 11 người, sân 7 người, sân 5 người), nguyên lý, các kỹ thuật cơ bản môn bóng đá. Phương pháp tập luyện, đội hình thi đấu, chiến thuật trong thi đấu Bóng đá. Phương pháp giảng dạy, luật, phương pháp tổ chức và trọng tài bóng đá.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên biết được phương pháp tổ chức thi đấu; Biết thực hiện một số kỹ thuật Bóng đá cơ bản; Hiểu được một số điểm của luật</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Đức Dũng (2007) <i>Giáo trình Bóng Đá</i>, Nxb Thể dục thể thao, Hà Nội</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>2- Ủy ban TĐTT (2014), <i>Luật Bóng đá sân 11 người</i>, NXB TĐTT.</p> <p>3- Ủy ban TĐTT (2001), <i>Luật Bóng đá sân 7 người</i>, NXB TĐTT</p> <p>4- Ủy ban TĐTT (2011), <i>Luật Bóng đá sân</i></p>

				5 người, NXB TĐTT
D	191034	Bóng rổ (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần này cung cấp những nội dung kiến thức cơ bản của môn Bóng rổ bao gồm: Lịch sử hình thành và phát triển; luật thi đấu; nguyên lý, kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ (Tur thế chuẩn bị, kỹ thuật di chuyển, kỹ thuật chuyên bóng, kỹ thuật bắt bóng, kỹ thuật tại chỗ ném rổ, kỹ thuật di chuyển hai bước ném rổ, Chiến thuật tấn công, Chiến thuật phòng thủ, phương pháp giảng dạy); phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài; các bài tập thể lực chung và thể lực chuyên môn bóng rổ. Qua đó, người học tổ chức một trận đấu, làm trọng tài các trận đấu bóng rổ;</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên lập được kế hoạch giảng dạy, soạn giáo án đúng qui định, tổ chức lên lớp giảng dạy một giờ học môn bóng rổ; xây dựng kế hoạch và tổ chức huấn luyện đội tuyển bóng rổ; tổ chức một trận đấu, một giải đấu, làm trọng tài các trận đấu và giải đấu bóng rổ.</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Hữu Bằng, Đỗ Mạnh Hưng (2007), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, ĐHSP.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Văn Trung, Phạm Văn Thảo (2003), <i>Giáo trình Bóng rổ</i>, NXB, TĐTT.</p> <p>3- Ủy ban thể dục thể thao (2006), <i>Luật Bóng rổ</i>, NXB TĐTT.</p> <p>4- Lê Trọng Đồng, Nguyễn Văn Trường (2019), <i>Giáo trình bóng rổ</i>, NXB ĐH Thái Nguyên.</p>
E	191035	Vovinam - Việt võ đạo (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm những nội dung, kiến thức cơ bản về môn VOVINAM như: Lý luận chung về chấn thương TĐTT và lý thuyết môn Vovinam – Việt võ đạo, nguồn gốc, sự hình thành và phát triển môn phái Vovinam; Các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn, đỉnh tấn, chảo mã tấn, hạc tấn (Độc cước tấn) và Hồi tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá, các bài tập thể lực trong Vovinam từ đó tập luyện về quyền pháp (long hổ quyền); Các nguyên lý cơ bản, nguyên lý kỹ thuật; phương pháp giảng dạy; phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài của môn vovinam.</p> <p>Năng lực đạt được: Sau khi học xong học phần này sinh viên thực hành thành thạo các kỹ thuật cơ bản của môn võ Vovinam-Việt Võ Đạo (Tur thế chuẩn bị, các kỹ thuật động tác cơ bản về trung bình tấn; chảo mã tấn; đỉnh tấn và hạc tấn cũng như các đòn đâm và đòn đá; quyền pháp; các bài tập thể lực trong Vovinam).</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1- Lê Quốc Ân, Võ sư Nguyễn Văn Chiếu và các cộng sự (2008), <i>Giáo trình huấn luyện Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD) tập 1</i>, NXB KIEV</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2- Nguyễn Chánh Tú (2014), <i>Phòng ngừa chấn thương trong tập luyện và thi đấu Vovinam – Việt võ đạo (VVN-VVD)</i></p> <p>3- Nguyễn Chánh Tú (2014), <i>Nhu khí công quyền 2 - Vovinam</i>, NXB TĐTT.</p>
VI	Giáo dục quốc phòng - an ninh			

		<p>Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng cộng sản Việt Nam (3tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc và những vấn đề cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam; chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước ta về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, xây dựng thể trận chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, gắn kết kinh tế - xã hội với quốc phòng- an ninh và đối ngoại, xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển, đảo, biên giới quốc gia, về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội. Trên cơ sở đó, giúp sinh viên (SV) nâng cao ý thức trách nhiệm công dân đối với yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.</p> <p>Năng lực đạt được:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Có hệ thống tri thức tương đối toàn diện về lý luận chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; về quan điểm, đường lối của Đảng và Nhà nước có liên quan trực tiếp đến nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. + Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về bảo vệ Tổ quốc với tình hình thực tiễn gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. + Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc. 	<p>Học liệu bắt buộc:</p> <p>1- <i>Giáo trình Giáo dục quốc phòng - an ninh</i> (dùng cho sinh viên đại học, cao đẳng) tập 1, NXB Giáo dục.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>2- Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), <i>Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XII</i>. Văn phòng Trung ương Đảng.</p> <p>3- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2019), <i>Giáo trình Học thuyết Mác – Lênin về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p> <p>4- Bộ Giáo dục và Đào tạo (2014), <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p>
		<p>Công tác quốc phòng và an ninh (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp cho sinh viên những nội dung cơ bản về: Phòng chống chiến lược “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; Một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; Phòng, chống vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo đảm trật tự an toàn giao thông và phòng, chống một</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1. Bộ giáo dục và Đào tạo (2010), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng – an ninh tập 1</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Bộ giáo dục và Đào tạo (2012), <i>Giáo trình giáo dục an ninh - trật tự</i>, NXB Giáo</p>

		<p>số loại tội phạm xâm hại danh dự, nhân phẩm của người khác; An toàn thông tin và phòng, chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng; An ninh phi truyền thống và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có hệ thống tri thức về âm mưu, thủ đoạn của kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, hiểu biết cơ bản về các mối đe dọa an ninh phi truyền thống và một số loại vi phạm pháp luật phổ biến trong bối cảnh hiện nay. Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, biết liên hệ, vận dụng chủ trương, đường lối của Đảng về quốc phòng, an ninh và bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới gắn với trách nhiệm bản thân trong quá trình tu dưỡng, rèn luyện và tham gia các phong trào hành động cách mạng. Phát huy và đề cao trách nhiệm công dân, gương mẫu trong nhận thức và hành động, kiên quyết đấu tranh với những biểu hiện sai trái, lệch lạc; sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc.</p>	<p>dục</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3. Bộ Giáo dục và đào tạo (2017 và 2020), <i>Tài liệu tập huấn cán bộ quản lý giáo viên, giảng viên giáo dục quốc phòng và an ninh.</i></p> <p>4. <i>Giải thích từ ngữ giáo dục quốc phòng – an ninh</i>, NXB Giáo dục.</p>
	<p>Quân sự chung (2 tín chỉ)</p>	<p>- Nội dung học phần: Nội dung học phần quân sự chung: trang bị cho sinh viên nắm chắc được các chế độ học tập, sinh hoạt, công tác trong ngày, trong tuần. Các chế độ nề nếp chính quy, bố trí trật tự nội vụ trong doanh trại. Thành thạo về điều lệnh đội ngũ từng người có súng, biết đội ngũ đơn vị; hiểu biết chung về các quân binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam, có hiểu biết ban đầu về bản đồ quân sự, biết cách phòng tránh địch tiến công hoả lực bằng vũ khí công nghệ cao. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác.</p> <p>- Năng lực đạt được: Có khả năng vận dụng các chế độ trong ngày, trong tuần vào trong quá trình học tập cũng như công tác sau này. Có khả năng nhận biết về các quân, binh chủng trong quân đội nhân dân Việt Nam. Thuần thục cách sử dụng bản đồ. Thuần thục cách phòng tránh khi địch sử dụng vũ khí công nghệ cao. Thuần thục về quy tắc, điều lệ thi đấu ba môn quân sự phối hợp.</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1- BGD&ĐT, 2012. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh, tập 2.</i> NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2- BGD&ĐT, Vụ giáo dục quốc phòng. <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng Đại học, Cao đẳng, tập 1</i> (dùng cho đào tạo giảng viên giáo dục quốc phòng).</p> <p>3- Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh đội ngũ quân đội nhân dân Việt Nam.</i> NXB Quân đội nhân dân.</p> <p>4- Bộ quốc phòng 2015. <i>Điều lệnh quản lý bộ đội quân đội nhân dân Việt Nam.</i> NXB Quân đội nhân dân.</p>
	<p>Kỹ thuật</p>	<p>Nội dung học phần: Nội dung học phần 4, kỹ thuật chiến đấu bộ binh và</p>	<p>Học liệu bắt buộc:</p>

		chiến đấu bộ binh và chiến thuật (4 tín chỉ)	<p>chiến thuật trang bị cho sinh viên thực hiện được kỹ năng cơ bản về kỹ thuật chiến đấu bộ binh, chiến thuật từng người trong chiến đấu tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, biết sử dụng súng tiểu liên AK và lựu đạn. Rèn luyện cho sinh viên về tư thế, tác phong chững chạc, nghiêm túc, ý thức tổ chức kỷ luật cao. Biết vận dụng linh hoạt nội dung các bài học vào trong học tập và công tác khi có tình huống xảy ra.</p> <p>Năng lực đạt được: Nhớ được tính năng tác dụng của súng tiểu liên AK, khái niệm về ngắm bắn, biết cách ngắm trúng, ngắm chụm vào mục tiêu cố định. Có khả năng vận dụng linh hoạt vào trong quá trình công tác sau này khi có tình huống xảy ra. Hiểu về cấu tạo, chuyển động và các tư thế, động tác ném lựu đạn. Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu tiến công. Hiểu được nhiệm vụ, yêu cầu chiến thuật trong chiến đấu phòng ngự. Hiểu được nhiệm vụ chủ yếu khi làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.</p>	<p>1-BGD&ĐT (2012), <i>Giáo trình giáo dục quốc phòng và an ninh tập 2</i>, NXB giáo dục Việt Nam.</p> <p>Học liệu tham khảo:</p> <p>2- Bộ Tổng Tham Mưu, Cục Quân huấn (2012), <i>Giáo trình huấn luyện kỹ thuật chiến đấu bộ binh</i>, NXB Quân đội nhân dân Việt Nam</p>
B	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp (80 TC)			
I	Kiến thức cơ sở khối ngành (18 TC)			
18	151050	Kinh tế vi mô (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Tổng quan về kinh tế học, lý thuyết về cung - cầu, lý thuyết hành vi người tiêu dùng, người sản xuất, cấu trúc thị trường, những thất bại của thị trường và vai trò điều tiết của Chính phủ trong nền KTTT.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích cung cầu hàng hóa trên thị trường, phân tích được hành vi của người tiêu dùng, hành vi doanh nghiệp; có thể ra quyết định trong sản xuất kinh doanh sao cho tối đa hóa các mục tiêu</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Vũ Kim Dũng, Nguyễn Văn Công (2018), <i>Giáo trình kinh tế học tập 1</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Tôn Hoàng Thanh Huế, Đỗ Thị Mẫn (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế vi mô</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>4- Nguyễn Văn Dân (2009), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Tài Chính</p>

19	151061	Kinh tế vĩ mô (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, bao gồm: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: các nhân tố quyết định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô: lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng được để tính toán các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô. Từ đó phân tích, đánh giá xu hướng phát triển của nền kinh tế và đưa ra quyết định đầu tư hiệu quả.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Văn Dẫn, Đỗ Thị Thục (2018), <i>Giáo trình Kinh tế vĩ mô I</i>, NXB Tài Chính</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Vũ Kim Dũng và Nguyễn Văn Công (2017), <i>Giáo trình kinh tế học tập 2</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Nguyễn Văn Ngọc, Hoàng Yến (2009), <i>Hướng dẫn giải bài tập kinh tế vĩ mô</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
20	152048	Nguyên lý thống kê (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp điều tra thống kê, hình thức thu thập thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế xã hội và việc xử lý các thông tin đã thu thập. Trang bị các phương pháp tính toán hệ thống chỉ tiêu phân tích kinh tế xã hội làm cơ sở cho dự đoán mức độ hiện tượng trong tương lai. Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển sản xuất - kinh doanh - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội. Cung cấp dữ liệu cần thiết, làm cơ sở cho việc ra các quyết định ở tầm vĩ mô và vi mô. Đây là các nội dung cơ bản mà các sinh viên cần phải nghiên cứu để vận dụng trong một số môn học khác và trong thực tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Xây dựng được phương pháp điều tra phù hợp với nội dung, mục tiêu cần điều tra; Thu thập, sắp xếp, tóm tắt và trình bày dữ liệu thống kê một cách chuẩn xác, khoa học; Xác định rõ từng nhân tố tác động đến hiện tượng phức tạp: chi phí sản xuất, doanh thu, sản lượng, năng suất lao động...; Vận dụng các phương pháp thống kê trong thực tế công tác quản lý kinh tế - xã hội; Vận dụng hệ thống chỉ số nhằm phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình phát triển SXKD - dịch vụ, phát triển kinh tế - xã hội.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Thị Kim Thúy (2009), <i>Nguyên lý thống kê ứng dụng trong quản lý kinh tế và kinh doanh sản xuất dịch vụ</i>, NXB Thống kê</p> <p>3- Trần Thị Kim Thu (2014), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
21	153105	Nguyên lý kế toán	<p>- Nội dung học phần: Các khái niệm, bản chất, đối tượng, mục đích, chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu của kế toán; các phương pháp kế toán; quá trình</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p>


		(3 tín chỉ)	<p>tổ chức thu thập, ghi chép số liệu kế toán. Trình tự kế toán các quá trình kinh doanh chủ yếu; các hình thức kế toán; Nội dung và các hình thức tổ chức công tác kế toán.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về nguyên lý kế toán; vận dụng được các phương pháp kế toán trong công tác kế toán doanh nghiệp; Người học có thể tổ chức thu thập, hạch toán, ghi chép kế toán đối với các quá trình kinh doanh chủ yếu; Người học có khả năng lựa chọn và vận dụng hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với đặc thù của từng doanh nghiệp.</p>	<p>1- Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Bộ Tài Chính (2015), <i>26 chuẩn mực kế toán Việt Nam</i>, Bộ tài chính</p> <p>3- Võ Văn Nhị (2018), <i>Hệ thống bài tập trắc nghiệm nguyên lý kế toán</i>, NXB Tài chính</p>
22	152140	Tài chính tiền tệ* (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản có tính hệ thống như Lý luận cơ bản về tài chính và cấu trúc hệ thống tài chính; Lý luận cơ bản về tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các khâu trong hệ thống tài chính như: khâu tài chính công, tài chính doanh nghiệp, tài chính hộ gia đình; Những vấn đề cơ bản về thị trường tài chính như thị trường chứng khoán, thị trường vốn, thị trường tiền tệ; Những nội dung cơ bản về các định chế tài chính trung gian như các ngân hàng, công ty bảo hiểm, công ty tài chính...</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học hình thành các kỹ năng như: phân tích, đánh giá hoạt động của thị trường tài chính và các khâu tài chính như tài chính công, tài chính doanh nghiệp; phân tích, xử lý các thông tin đã thu thập để đánh giá hoạt động của các khâu tài chính, trung gian tài chính, thị trường tài chính.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Tài chính - Tiền tệ</i>, NXB Thống kê</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Hữu Tài (2007), <i>Giáo trình lý thuyết tài chính - tiền tệ</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Phạm Ngọc Dũng, Đinh Xuân Hạng (2014), <i>Giáo trình tài chính tiền tệ</i>, NXB Tài chính</p>
23	254026	Marketing căn bản* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Tổng quan về các quan điểm marketing trong doanh nghiệp; khái niệm môi trường marketing và thị trường của doanh nghiệp; Hệ thống thông tin và nghiên cứu Marketing trong doanh nghiệp; khái quát về phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu; Nhận dạng nhu cầu và hành vi của khách hàng; Chiến lược và các chính sách marketing căn bản.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học phân tích được các nhân tố thuộc môi trường marketing vi mô và vĩ mô ảnh hưởng đến hoạt động marketing của công ty;</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Minh Đạo (2013), <i>Marketing căn bản</i>, NXB Đại học KTQĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Văn Hùng (2013), <i>Marketing căn bản</i>, NXB KT TPHCM</p>

			<p>nghiên cứu được hành vi mua hàng của người tiêu dùng, phân đoạn thị trường và lựa chọn thị trường mục tiêu cho DN mình; lập kế hoạch nghiên cứu marketing cho 1 sản phẩm cụ thể; xây dựng chiến lược sản phẩm, chiến lược giá, thiết lập kênh phân phối, xây dựng hoạt động truyền thông cho sản phẩm hoặc công ty.</p>	<p>3- Philip Kotler (2007), <i>Marketing căn bản</i>, NXB LĐXH</p> <p>4- Lê Quang Hiếu (2016), <i>Quan hệ công chúng</i>, NXB ĐH Hồng Đức</p> <p>5- Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
24	197010	Luật kinh tế (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: khái niệm ngành luật kinh tế, đối tượng điều chỉnh, phương pháp điều chỉnh của ngành luật kinh tế; chủ thể của luật kinh tế; lịch sử hình thành và phát triển các loại hình doanh nghiệp tại Việt Nam; điều kiện, trình tự thủ tục đăng ký kinh doanh đối với các loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; khái niệm, đặc điểm pháp lý, cơ cấu tổ chức, quản lý của từng loại hình doanh nghiệp, hợp tác xã; vấn đề tổ chức lại, giải thể doanh nghiệp; các hoạt động thương mại; quy định pháp luật về cạnh tranh; trình tự thủ tục yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã...</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nắm vững kiến thức pháp luật về lĩnh vực Luật kinh tế, có khả năng liên hệ với thực tiễn để có thể vận dụng các kiến thức pháp luật kinh tế của mình để thực hiện các công việc chuyên môn tương ứng với yêu cầu đào tạo.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Viết Tý (2018), <i>Giáo trình Luật thương mại tập 1, tập 2</i>, NXB CAND</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>3- Nguyễn Hợp Toàn (2015), <i>Giáo trình Luật kinh tế</i>, NXB Thống kê</p>
II Kiến thức ngành chính (39 TC)				
<i>Kiến thức chung của ngành chính (21TC)</i>				
25	154015	Khởi sự kinh doanh (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Sinh viên hiểu được các kiến thức về kinh tế xã hội, các xu hướng phát triển mới trong kinh doanh, các kỹ năng hình thành ý tưởng kinh doanh, kỹ năng xây dựng kế hoạch, lập kế hoạch và kỹ năng triển khai các công việc cụ thể trong doanh nghiệp; Hiểu biết về môi trường kinh doanh và ngành nghề kinh doanh.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên phân tích được ưu, nhược điểm của mỗi ý tưởng</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Ngọc Huyền, Ngô Thị Việt Nga (2017), <i>Khởi sự kinh doanh</i>, NXB ĐH Kinh tế quốc dân</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

			kinh doanh mà mình có, có thể tự soạn thảo một bản kế hoạch kinh doanh chi tiết dựa trên ý tưởng của bản thân; đánh giá được ưu, nhược điểm của từng cách thức bắt đầu khởi sự và đưa ra lựa chọn cách thức khởi sự cho ý tưởng kinh doanh của mình	<p>2- Nguyễn Phi Vân (2015), <i>Nhượng quyền khởi nghiệp</i>, NXB Trẻ</p> <p>3- Nguyễn Đăng Tuấn Minh (2017), <i>Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo</i>, NXB Phụ nữ</p>
26	154075	Quản trị doanh nghiệp1 (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp các kiến thức tổng quát về quản trị doanh nghiệp, Lịch sử quản trị doanh nghiệp; Các loại hình doanh nghiệp, thông tin và quyết định trong quản trị doanh nghiệp; các chức năng quản trị doanh nghiệp như hoạch định, tổ chức, điều hành và kiểm tra; Các phương pháp quản trị kết quả sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học phân loại được doanh nghiệp, thiết lập được mục tiêu, chiến lược và kế hoạch hoạt động của doanh nghiệp nhỏ; Thu thập thông tin quản trị và ra quyết định cho các vấn đề trong doanh nghiệp; Phân tích môi trường kinh doanh của doanh nghiệp để đưa ra chiến lược hoạt động; Phân tích và quản trị kết quả kinh doanh của doanh nghiệp; Khởi nghiệp, điều hành và quản trị doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Ngô Kim Thanh (2013), <i>Quản trị doanh nghiệp</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Ngọc Huyền (2013) <i>Giáo trình Quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học KTQĐ</p> <p>3- Lê Quang Hiếu, Nguyễn Thị Loan (2019), <i>Câu hỏi và bài tập Quản trị doanh nghiệp</i>, NXB ĐH KTQĐ</p> <p>4- Tham khảo các tài liệu về quản trị trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
27	152007	Quản trị tài chính doanh nghiệp 1 (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Trang bị những kiến thức cơ bản và vận dụng vào công tác quản trị tài chính doanh nghiệp như: Khái niệm, vai trò và nội dung của tài chính doanh nghiệp; Quản trị vốn, tài sản trong doanh nghiệp; Chi phí, doanh thu và lợi nhuận của doanh nghiệp; Kế hoạch hoá tài chính doanh nghiệp</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế vững chắc về tài chính doanh nghiệp; có khả năng vận dụng lý thuyết và thực hành các nghiệp vụ như xác định và quản trị vốn cố định, quản trị khoản phải thu, quản trị hàng tồn kho, xác định doanh thu chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp, kế hoạch hoá tài chính doanh nghiệp.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2015), <i>Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Bùi Văn Vân (2009), <i>Hệ thống câu hỏi và bài tập Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính</p> <p>3- Vũ Duy Hào, Trần Minh Tuấn (2019), <i>Tài chính doanh nghiệp</i>, NXB ĐH KTQĐ</p>

28	151025	Kinh tế lượng (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Nhằm trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kinh tế lượng như ước lượng và kiểm định giả thiết, phân tích kết quả hồi quy trong các mô hình: hồi quy đơn, hồi quy bội, hồi quy với biến giả; Nghiên cứu các khuyết tật của mô hình hồi quy và cách khắc phục các khuyết tật của mô hình, bao gồm khuyết tật đa cộng tuyến, phương sai của sai số thay đổi, tự tương quan, dạng mô hình sai và sai số ngẫu nhiên không theo phân phối chuẩn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học thực hiện được một cách cơ bản quy trình phân tích hồi quy, từ xây dựng một mô hình tốt, phân tích kết quả mô hình đến ứng dụng mô hình này để đưa ra các khuyến nghị hợp lý cho các vấn đề cụ thể trong kinh tế kinh doanh. Người học cũng được cung cấp các kỹ năng thực hành các phần mềm Eviews, SPSS trong quá trình phân tích hồi quy.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Quang Dong, Nguyễn Thị Minh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Cao Văn (2018), <i>Lý thuyết xác suất và thống kê toán</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Nguyễn Văn Dân, Nguyễn Hồng Nhung (2017), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô I</i>, NXB Tài Chính</p>
29	153085	Kế toán tài chính 1 (4 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu và cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản và nâng cao về các khái niệm, nguyên tắc kế toán được thừa nhận trong kế toán doanh nghiệp, nội dung tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp. Kế toán vốn bằng tiền, đầu tư ngắn hạn, các khoản phải thu và ứng trước. Kế toán các yếu tố sản xuất bao gồm kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng vận dụng các nguyên tắc kế toán trong xử lý các tình huống kế toán trong doanh nghiệp, lựa chọn mô hình tổ chức công tác kế toán tài chính trong doanh nghiệp; Thực hiện hạch toán, vào sổ kế toán tổng hợp, sổ kế toán chi tiết những nghiệp vụ chủ yếu phát sinh trong các doanh nghiệp liên quan đến Kế toán vốn bằng tiền, các khoản phải thu và ứng trước; Kế toán nguyên liệu vật liệu và công cụ dụng cụ; Kế toán TSCĐ và đầu tư dài hạn; Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong các doanh nghiệp.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Ngô Thế Chi, Trương Thị Thuý (2013), <i>Giáo trình Kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Lê Thị Hồng, Lê Thị Minh Huệ, Lê Thị Diệp (2019), <i>Câu hỏi và bài tập kế toán tài chính</i>, NXB Tài chính</p> <p>3- Đặng Thị Loan (2013), <i>Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
	151045	Kinh tế quốc tế (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái quát về nền kinh tế thế giới, nội dung các mối quan hệ kinh tế quốc tế; Thương mại quốc tế và sự di chuyển các nguồn lực quốc tế, đồng thời học phần cũng chứa đựng các nội dung của Thanh toán</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>

30			<p>quốc tế; liên kết và hội nhập kinh tế quốc tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích được cơ sở mối quan hệ kinh tế giữa các chủ thể kinh tế quốc tế; Nhận biết được các xu hướng của nền kinh tế thế giới, từ đó thay đổi hành vi tạo điều kiện cho sự phát triển một cách phù hợp với thời đại; thực hiện được cơ bản các giao dịch trong thương mại quốc tế như xuất nhập khẩu, chuyển khẩu, gia công quốc tế; Biết rõ cách sử dụng các công cụ trong thương mại quốc tế và phân tích được các tác động của nó đến nền kinh tế Việt Nam và địa phương; Biết cách KD ngoại hối dựa trên các nghiệp vụ của thị trường và quy đổi giá cả các loại tiền tệ trên thế giới.</p>	<p>Hà Nội</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Tôn Hoàng Thanh Huệ, Nguyễn Thị Mai (2020), <i>Câu hỏi và bài tập Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Đỗ Đức Bình, Nguyễn Thường Lạng (2008), <i>Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
31-32	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
a	151065	Kinh tế đầu tư* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Đầu tư, đầu tư phát triển, công tác quản lý và kế hoạch hoá hoạt động đầu tư, môi trường đầu tư, đầu tư công, đầu tư quốc tế, kết quả và hiệu quả của hoạt động đầu tư phát triển và đầu tư phát triển trong doanh nghiệp.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng lập 1 dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, thẩm định về mặt tài chính của dự án. Đánh giá hoạt động đầu tư phát triển trong doanh nghiệp, đầu tư quốc tế và đầu tư công của địa phương và Việt Nam..</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), <i>Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Lê Hoàng Bá Huyền, Nguyễn Thị Thanh Xuân, Tôn Hoàng Thanh Huệ, Lê Huy Chính (2019), <i>Môi trường đầu tư với hoạt động thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Thanh Hóa</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
b	151030	Kinh tế môi trường* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các khái niệm về Môi trường, tài nguyên, phát triển bền vững, ô nhiễm môi trường; Giải pháp kinh tế thị trường cho ô nhiễm tối ưu; Các chỉ tiêu và phương pháp đánh giá tác động môi trường; Sự khan hiếm các nguồn tài nguyên, nguồn tài nguyên tái sinh và nguồn tài nguyên không tái sinh; Các qui định và nguyên tắc quản lý môi trường.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Thế Chinh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế & quản môi trường</i>, NXB Thống kê</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p>

			- Năng lực đạt được: Từ những hiểu biết cơ bản học phần kinh tế môi trường, người học vận dụng để lý giải được những vấn đề trong thực tế đời sống kinh tế - xã hội, làm các bài tập thực hành. Trên cơ sở đó phải thể hiện quan điểm của mình về các vấn đề môi trường đang diễn ra trong thực tế.	2- Nguyễn Thị Thanh Thuý (2017), <i>Bài giảng Luật môi trường</i> , NXB ĐHKQTĐ
c	151041	Kinh tế thương mại* (2 tín chỉ)	- Nội dung học phần: Tổng quan về kinh tế thương mại: khái niệm và điều kiện lịch sử ra đời của thương mại, vai trò, chức năng, nhiệm vụ quan trọng của ngành thương mại đối với sự phát triển kinh tế nói chung, và để quản lý ngành thương mại có hiệu quả nhà nước đã sử dụng nhiều chính sách, công cụ và các phương pháp quản lý khác nhau. Trong cơ chế thị trường hàng hóa và dịch vụ là đối tượng kinh doanh khác nhau. Các phương pháp đánh giá được hiệu quả kinh doanh thương mại, khẳng định được vai trò quan trọng của thương mại đối với kinh tế xã hội - Năng lực đạt được: Học xong môn học người học có đủ năng lực thực chuyên môn về lĩnh vực kinh doanh thương mại. Có khả năng đưa ra được kết luận và dự đoán trước các hành vi ứng xử của các tác nhân trong nền kinh tế. Có năng lực lập kế hoạch, điều phối phát huy trí tuệ tập thể trong giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội; đánh giá và cải tiến các hoạt động chuyên môn trong phân tích các chính sách, giải pháp phát triển kinh tế.	Học liệu bắt buộc 1- Đặng Đình Đào, Hoàng Đức Thân (2017), <i>Giáo trình Kinh tế thương mại</i> , NXB ĐHKQTĐ Học liệu tham khảo 2- Trương Đình Chiến (2008), <i>Quản trị kênh phân phối</i> , NXB ĐHKQTĐ
33	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a		Dự báo kinh tế* (2 tín chỉ)	- Nội dung học phần: Cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp dự báo các hiện tượng kinh tế xã hội như dự báo bằng các mô hình giản đơn, dự báo dựa vào hàm xu thế, dự báo bằng phân tích hồi quy; Bao gồm từ việc thu thập, phân tích thông tin ban đầu về các hiện tượng kinh tế - xã hội đến việc lựa chọn mô hình dự báo phù hợp. Trang bị các phương pháp phân tích, dự báo kinh tế - xã hội làm cơ sở cho dự đoán các mức độ của hiện tượng trong tương lai nhằm từ đó giúp cho các quyết định trong quản lý kinh tế hiệu quả hơn. - Năng lực đạt được: Xác định được các phương pháp dự báo căn bản sử dụng trong việc phân tích dữ liệu và dự báo các hiện tượng KT-XH, làm cơ sở để ra quyết định trong kinh doanh; Vận dụng thành thạo các phần mềm	Tài liệu bắt buộc: 1- Đinh Bá Hùng Anh (2016), <i>Dự báo trong kinh doanh</i> , NXB Kinh tế TP HCM Tài liệu tham khảo: 2- Trần Kim Thu, (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê</i> , NXB ĐHKQTĐ 3- Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh (2012), <i>Giáo trình kinh tế lượng</i> , NXB ĐHKQTĐ

			trên máy tính hỗ trợ việc xử lý và dự báo dữ liệu như SPSS, Eview.	
b	152070	Thống kê doanh nghiệp* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp một cách có hệ thống các phương pháp thu thập, xử lý, tổng hợp các thông tin số liệu có liên quan đến quá trình tái sản xuất của các đơn vị có tổ chức hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn lãnh thổ Việt Nam. Nội dung thông tin cần thu thập gồm toàn bộ các yếu tố nguồn lực và chi phí để tái sản xuất, kinh doanh; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị; thị trường đầu vào và đầu ra của đơn vị. Xây dựng phương pháp tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến các chỉ tiêu kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, làm cơ sở cho việc dự báo khả năng phát triển và xây dựng chiến lược SXKD của các đơn vị.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có khả năng tiến hành điều tra, thu thập thông tin thị trường, đối thủ cạnh tranh; Khả năng tính toán các chỉ tiêu phản ánh kết quả, hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; Khả năng lập được bảng cân đối lao động, bảng cân đối tài sản cho doanh nghiệp; Khả năng xác định và phân tích, đánh giá được các yếu tố ảnh hưởng đến giá thành bình quân, năng suất lao động bình quân, tổng DT, tổng lợi nhuận, tổng chi phí của doanh nghiệp, từ đó giúp DN xác định đúng đắn năng lực sản xuất, khả năng cạnh tranh để tìm ra giải pháp tốt nhất để hội nhập và chiếm lĩnh thị trường</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Công Nhựt (2017), <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Trần Thị Kim Thu (2016), <i>Giáo trình lý thuyết thống kê</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Chu Văn Tuấn (2010), <i>Giáo trình thống kê doanh nghiệp</i>, NXB Tài chính</p>
Kiến thức chuyên sâu của ngành chính (18TC)				
34	151097	Logistics (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về logistics. Phân tích được nội dung hoạt động logistics từ đó biết cách vận hành hiệu quả hệ thống logistics.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong môn học người học có đủ năng lực làm việc cho các doanh nghiệp tổ chức sản xuất hay dịch vụ, tổ chức chính phủ hay phi chính phủ. Các vị trí có thể đảm nhận liên quan đến hoạt động logistics như lập kế hoạch và kiểm soát thu mua nguyên vật tư, quản lý nhà cung ứng, quản lý vật tư và hoạch định tồn kho, thiết kế, quản lý hay vận hành nhà kho, tối ưu hoá nguồn</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1- GS.TS. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), <i>Giáo trình Logistics và những vấn đề cơ bản</i>, NXB Lao Động – Xã Hội</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2 - Đỗ Ngọc Hiền (2017), <i>Giáo trình Quản lý Logistics</i>, NXB ĐH Quốc gia</p> <p>3 - GS.TS. Đặng Đình Đào, <i>Giáo trình Quản</i></p>

			lực hỗ trợ, tối ưu hoá hoạt động vận tải, cung cấp dịch vụ logistics, thiết kế hệ thống thông tin quản lý,...	trị Logistics, NXB tài chính, 2018.
35	151070	Lập và phân tích dự án đầu tư (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm về đầu tư, dự án đầu tư, trình tự và nội dung nghiên cứu dự án đầu tư, công tác lập và quản lý dự án đầu tư. Phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất, phương án tài chính... Các giải pháp thực hiện. Đánh giá tác động của môi trường vĩ mô vào dự án, khả năng thu xếp vốn và khả năng cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả xã hội của dự án. Sinh viên hiểu rõ những kiến thức cơ bản nhất về các công quản lý dự án đầu tư, biết quản lý tiến độ thời gian của dự án.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học lập hoàn chỉnh một dự án đầu tư khả thi, tự lập kế hoạch huy động vốn, tự lập bảng tiến độ và quản lý thời gian của dự án; phân tích lựa chọn phương án kỹ thuật, công nghệ và công suất... và các giải pháp thực hiện; Dự tính tổng mức đầu tư của dự án; khả năng huy động và cấp vốn theo tiến độ; phương án hoàn trả vốn đối với dự án có yêu cầu thu hồi vốn và phân tích đánh giá hiệu quả kinh tế - tài chính, hiệu quả XH của dự án.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Thị Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình lập dự án đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Từ Quang Phương, Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Từ Quang Phương (2012), <i>Giáo trình Quản lý dự án</i>, NXB ĐHKQTĐ</p>
36	151093	Nghiệp vụ kinh doanh XNK (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về, thương mại quốc tế và các phương thức giao dịch trong kinh doanh xuất nhập khẩu, các quy định cơ bản về vận tải, bảo hiểm và giao nhận hàng hoá trong ngoại thương, các hình thức thanh toán quốc tế và các nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh XNK. Với những kiến thức này, người học sẽ được trang bị kiến thức trong bối cảnh thương mại quốc tế đang phát triển nhanh chóng hiện nay.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về các nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu như nghiệp vụ quảng cáo và xúc tiến xuất nhập khẩu hàng hoá, lập và xét duyệt phương án kinh doanh XNK, giao dịch đàm phán, ký kết hợp đồng, soạn thảo và tổ chức thực hiện hợp đồng. Sinh viên được thực tập các tình huống nghiệp vụ thực tế phụ vụ cho công việc của</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Tạ Lợi (2018), <i>Giáo trình nghiệp vụ ngoại thương</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Trần Hoà (2012), <i>Nghiệp vụ kinh doanh xuất nhập khẩu</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- <i>Incoterms 2010 (2019)</i>, NXB Thông tin và Truyền Thông</p>

			sinh viên sau khi ra trường.	
37	151044	Kinh doanh quốc tế (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần giới thiệu một số vấn đề cơ bản về hoạt động kinh doanh quốc tế, những cơ hội, thách thức đối với hoạt động kinh doanh quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hoá, sự khác biệt giữa các quốc gia về môi trường chính trị, pháp luật, kinh tế, văn hoá và tác động của những môi trường đó tới hoạt động kinh doanh quốc tế. Học phần giới thiệu những phương thức thâm nhập thị trường quốc tế cũng như các chiến lược kinh doanh và mô hình cấu trúc tổ chức của các doanh nghiệp kinh doanh quốc tế và một số nội dung cơ bản về đạo đức kinh doanh và trách nhiệm xã hội trong kinh doanh quốc tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên được trang bị kiến thức, kỹ năng trong việc đánh giá tác động của môi trường kinh doanh đến hoạt động kinh doanh quốc tế, kỹ năng lựa chọn phương thức thâm nhập thị trường, xây dựng chiến lược kinh doanh quốc tế và những kỹ năng mềm khác như kỹ năng làm việc theo nhóm, kỹ năng thuyết trình, thảo luận.</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1- Phạm Thị Hồng Yến (2012), <i>Giáo trình Kinh doanh quốc tế</i>, NXB Thống kê</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2- Tạ Lợi, Nguyễn Thị Hương (2017), <i>Giáo trình Kinh doanh quốc tế, ĐH Kinh tế quốc dân</i></p>
38	151046	Chính sách kinh tế đối ngoại (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lý luận và phương pháp luận trong phân tích, đánh giá tác động của việc thực thi chính sách kinh tế đối ngoại của một số quốc gia lựa chọn đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Kết thúc học phần, sinh viên có khả năng phân tích được một số các chính sách đối ngoại của các nước ảnh hưởng đến kinh tế, chính trị của nước đó và Việt Nam. Đồng thời phân tích được sự lựa chọn chính sách, và ảnh hưởng của chính sách đối ngoại của Việt Nam đến tình hình kinh tế chính trị Việt Nam.</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1-Ngô Thị Tuyết Mai & Đỗ Thị Hương (2020), <i>GT Chính sách kinh tế đối ngoại</i>. NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2-Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐHKQTĐ Hà Nội</p>
39-40	<i>Chọn 2 trong 3 học phần</i>			
a	151035	Kinh tế phát triển* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Bao gồm đặc trưng và con đường đi của các nước đang phát triển trong quá trình phát triển kinh tế của mình. Các mô hình phát triển kinh tế được các nước vận dụng thành công sẽ được nghiên cứu trong môn học để sinh viên có thể nắm bắt, và ứng dụng đối với sự phát triển của địa</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1-Ngô Chí Thành và Nguyễn Ngọc Sơn (2020), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i>, NXB</p>

			<p>phương và đất nước.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn để thực hiện việc quản lý nền kinh tế vĩ mô đồng thời vận dụng những chính sách này trong công việc cụ thể trong doanh nghiệp</p>	<p>ĐH Giáo dục</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2-Phạm Ngọc Linh, Nguyễn Thị Kim Dung (2011), <i>Kinh tế Phát triển</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>3-Ngô Thắng Lợi (2013), <i>Kinh tế phát triển</i>, NXBĐH KTQD</p>
b	151058	Đầu tư quốc tế* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Tổng quan về môn học đầu tư quốc tế; Tự do hóa đầu tư và các khu vực đầu tư tự do; Hiệp định đầu tư quốc tế, Các hình thức cơ bản của đầu tư quốc tế, Các công ty xuyên quốc gia (TNC) trong hoạt động đầu tư quốc tế; Mua lại và sáp nhập (M&A) trên thế giới.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong môn học người học có đủ năng lực thực hiện các công việc như: Phân tích thị trường đầu tư quốc tế, hiểu các hoạt động đầu tư cơ bản trên thế giới và các hình thức mua bán, sáp nhập nhằm tạo ra lợi ích tối ưu cho doanh nghiệp.</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1- Vũ Chí Lộc (2012), <i>Giáo trình đầu tư quốc tế</i>, NXB đại học quốc gia Hà Nội</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2- Lê Quang Huy, (2018), <i>Đầu tư quốc tế</i>, NXB Kinh tế TPHCM</p>
c	151059	Hội nhập kinh tế quốc tế* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp cho những người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống và chuyên sâu về hội nhập kinh tế quốc tế. Tìm hiểu về các tổ chức kinh tế quốc tế nổi bật trên thế giới và các tổ chức kinh tế quốc tế có sự tham gia của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong môn học người học có đủ năng lực phân tích, nhận dạng, đánh giá các tác động và dự báo những cơ hội và thách thức của hội nhập kinh tế quốc tế đến quốc gia và doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, người học được nâng cao khả năng hoạch định, tham gia hoạch định chiến lược, đề xuất chính sách và biện pháp để giải quyết các vấn đề của thực tiễn; biết cách tổ chức và quản lý các hoạt động kinh tế của một quốc gia đạt hiệu quả cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế và toàn cầu hóa</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1- Ngô Thị Tuyết Mai, Nguyễn Như Bình (2019), <i>Giáo trình Hội Nhập Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2- Đỗ Đức Bình, Ngô Thị Tuyết Mai (2012), <i>Giáo trình kinh tế quốc tế</i>, NXB ĐH KTQD</p>
41	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	152120	Tài chính quốc tế*	<p>- Nội dung học phần: Học phần gồm những kiến thức cơ bản như về tài chính quốc tế như: Thị trường ngoại hối: Các khái niệm về ngoại hối và thị trường</p>	<p>Học liệu bắt buộc</p> <p>1-Nguyễn Văn Tiến (2012), <i>Giáo trình Tài</i></p>

		(3 tín chỉ)	<p>ngoại hối, các chủ thể tham gia trên thị trường ngoại hối, các nghiệp vụ KD trên thị trường ngoại hối; Cán cân thanh toán quốc tế: Kết cấu của cán cân thanh toán quốc tế, nguyên tắc hạch toán của cán cân thanh toán quốc tế, thặng dư và thâm hụt cán cân thanh toán quốc tế; Chính sách tỷ giá và vai trò của NHTW: Khái niệm về tỷ giá, công cụ, mục tiêu của chính sách tỷ giá, vai trò NHTW trong các chế độ tỷ giá; Học thuyết ngang giá sức mua; Học thuyết ngang giá lãi suất; Hệ thống tiền tệ quốc tế; Chính sách tỷ giá của Việt Nam.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có kiến thức lý thuyết toàn diện, kiến thức thực tế một cách có hệ thống về thị trường ngoại hối, có khả năng vận dụng lý thuyết để luận giải được sự biến động của tỷ giá hối đoái trên thị trường, phân tích được tác động của những biến động của tỷ giá đến các lĩnh vực kinh tế xã hội: xuất nhập khẩu hàng hóa, dịch vụ, các hoạt động đầu tư trong và ngoài nước,... từ đó có thể đưa ra các quyết định phù hợp để phòng ngừa rủi ro tỷ giá. Lựa chọn đồng tiền để đầu tư, lựa chọn đồng tiền để vay cho phù hợp điều kiện cụ thể của đơn vị công tác trong từng thời kỳ.</p>	<p>chính quốc tế, NXB Thống kê năm 2012.</p> <p>Học liệu tham khảo</p> <p>2-Nguyễn Văn Tiến (2011), Bài tập và bài giải Tài chính quốc tế, NXB thống kê</p>
b	152100	Tài chính công* (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần bao gồm kiến thức chung về tài chính công và quản lý tài chính công như khái niệm, phân loại tài chính công; khái niệm, mục tiêu, nội dung của quản lý tài chính công; Bộ máy quản lý tài chính công và các kiến thức nghiệp vụ về quản lý tài chính công giải quyết những vấn đề nghiệp vụ về quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ ngoài NSNN và đánh giá quản lý tài chính công như nguyên tắc quản lý NSNN, phân cấp quản lý NSNN, qui trình quản lý NSNN, tổ chức cân đối NSNN, quản lý các quỹ tài chính Nhà nước ngoài ngân sách.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có khả năng vận dụng lý thuyết vào thực hành các nghiệp vụ như lập dự toán NSNN ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, lập các báo cáo quyết toán ngân sách ở các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước, phân loại thu, chi NSNN theo các tiêu chí để có thể đánh giá hiệu quả của việc chi NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý thu phí, lệ phí, quản lý tài chính ở các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện cân đối NSNN ở các cơ quan, đơn vị, quản lý các quỹ tài</p>	<p>Tài liệu bắt buộc</p> <p>1-Dương Đăng Chinh, Phạm Văn Khoan (2009), Giáo trình quản lý tài chính công, NXB Tài chính.</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>2-Sử Đình Thành, Bùi Thị Mai Hoài (2009), Lý thuyết Tài chính công, NXB ĐHQG Hồ Chí Minh.</p> <p>3-Trương Huỳnh Thắng (2016), Tìm hiểu luật ngân sách nhà nước năm 2015, NXB CTQG.</p>

			chính Nhà nước ngoài ngân sách.	
III	Kiến thức bổ trợ tự do (12TC)			
42	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	152065	Thị trường chứng khoán* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Tổng quan về thị trường chứng khoán: bản chất, chức năng, cơ cấu của thị trường chứng khoán, các công cụ và các chủ thể tham gia thị trường, vai trò của thị trường chứng khoán; Tổ chức thị trường và các hoạt động chính trên thị trường chứng khoán sơ cấp và thị trường chứng khoán thứ cấp; Phân tích chứng khoán để đầu tư; Hệ thống thông tin trên thị trường chứng khoán.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học tham gia đầu tư chứng khoán trên thị trường chứng khoán; Tính giá trị sổ sách của cổ phiếu dựa trên cơ sở số liệu sổ sách kế toán; Tư vấn cho khách hàng tham gia thị trường chứng khoán; Tư vấn cho công ty nên phát hành chào bán chứng khoán ra công chúng; Xác định giá khớp lệnh của cổ phiếu dựa vào các lệnh đặt ở phiên khớp lệnh định kỳ; Xác định khối lượng giao dịch của phiên khớp lệnh định kỳ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Lê Hoàng Nga (2020), <i>Thị trường chứng khoán</i>, NXB Tài chính, 2020.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Bạch Đức Hiền (2008), <i>Giáo trình Thị trường chứng khoán</i>, NXB Tài chính</p> <p>3- Hoàng Văn Quỳnh (2008), <i>Câu hỏi và bài tập thị trường chứng khoán</i>, NXB Tài chính</p>
b	152018	Thanh toán quốc tế* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các điều kiện trong thanh toán quốc tế, các phương tiện thanh toán trong thương mại quốc tế như hối phiếu, séc, thẻ thanh toán và các phương thức thanh toán quốc tế chủ yếu: phương thức thanh toán nhờ thu, phương thức thanh toán tín dụng chứng từ. Đồng thời học phần giới thiệu các nguồn luật được sử dụng trong thanh toán quốc tế như UCP 600, Incoterms 2010, ISBP 681, URC 522. Bên cạnh đó, người học còn được cung cấp các kiến thức về hoạt động tài trợ ngoại thương của NHTM.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nhận biết và xử lý các chứng từ trong nghiệp vụ thanh toán quốc tế; Dựa vào hợp đồng cơ sở tư vấn lựa chọn phương thức thanh toán quốc tế phù hợp với yêu cầu và tối đa hoá lợi ích của khách hàng; Tư vấn và thực hiện nghiệp vụ tài trợ ngoại thương, bảo lãnh ngoại thương theo yêu cầu của khách hàng.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Văn Tiến (2011), <i>Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương</i>, NXB Thống kê</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Văn Tiến (2012), <i>Bài tập và bài giải thanh toán quốc tế</i>, NXB Thống kê</p>

43-44		Chọn 2 trong 3 học phần		
a	154099	Thương mại điện tử* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Tổng quan về thương mại điện tử, Cơ sở hạ tầng thương mại điện tử, An ninh thương mại điện tử, thanh toán trong thương mại điện tử các phương pháp hoạch định thương mại điện tử trong kinh doanh, chiến lược phát triển Website, kiến thức bán hàng trên Web...</p> <p>- Năng lực đạt được: SV có khả năng thiết kế và sử dụng một Website thương mại điện tử...phân tích và nhìn nhận vấn đề một cách khoa học, tư duy sáng tạo, không phiến diện hay theo lối mòn.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Văn Hòe (2015), <i>Thương mại điện tử căn bản</i>, NXB KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Thị Tuyết Mai (2003) <i>Thương mại điện tử</i>, NXB KHKT</p> <p>3- Nguyễn Bách Khoa (2003), <i>Marketing thương mại điện tử</i>, NXB Thống kê</p>
b	151049	Marketing kỹ thuật số* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Các doanh nghiệp hiện nay đang khai thác, vận dụng công nghệ số, không chỉ trong sản xuất mà trong hầu hết tất cả các hoạt động marketing và bán hàng, từ khâu nghiên cứu thị trường, phát triển sản phẩm, thiết kế bao gói, tổ chức điểm bán, định giá, cho đến truyền thông cho sản phẩm, xây dựng thương hiệu và phát triển mối quan hệ với khách hàng... Tập trung giới thiệu các kiến thức, kỹ năng và các công cụ cơ bản của việc làm marketing trong nền tảng công nghệ số.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên nghiên cứu môi trường marketing kỹ thuật số, các công cụ marketing mix và lựa chọn thị trường mục tiêu thông qua việc định vị sản phẩm và phân tích nhu cầu của người tiêu dùng. Xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp áp dụng cho từng loại hình doanh nghiệp: sản xuất, thương mại, dịch vụ.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Frederick Vallaeys (2020), <i>Chiến lược Digital marketing trong kỷ nguyên trí tuệ nhân tạo</i> - NXB Lao động.</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Hồng Ly (2020), <i>Digital marketing- Trên thông marketing, dưới tường công vụ số</i> - NXB Thế giới</p>
c	154097	Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại*	<p>- Nội dung học phần: Môn học này giới thiệu hai nội dung chính là kỹ năng đàm phán hợp đồng và kỹ năng soạn thảo hợp đồng: Đàm phán, các cách thức đàm phán, các công việc cần chuẩn bị cho một cuộc đàm phán, diễn biến của cuộc đàm phán, những điều nên và không nên trong cuộc đàm phán; các các hình thức của hợp đồng, các loại hợp đồng phổ biến và cách thức và lưu ý khi soạn thảo một hợp đồng thương mại. Thêm vào đó, tại cuối môn học, sinh viên sẽ được</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Hoàng Đức Thân (2012), <i>Giáo trình giao dịch và đàm phán kinh doanh</i>, NXB KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Ngô Kim Thanh; Nguyễn Thị Hoài Dung</p>

		(2 tín chỉ)	<p>thực hành các tình huống được lấy từ thực tiễn để rèn luyện kỹ năng đàm phán và soạn thảo những điều khoản của hợp đồng tương ứng.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học xong môn học này, sinh viên có khả năng tham gia đàm phán hiệu quả với các đối tác (các tổ chức kinh tế, các cá nhân); có thể soạn thảo, xem xét, kiểm tra các loại hợp đồng dân sự, thương mại thông dụng phát sinh trong hoạt động hằng ngày của doanh nghiệp, tổ chức nơi sinh viên làm việc.</p>	<p>(2012), <i>Giáo trình kỹ năng quản trị</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>3- Nguyễn Việt Tý (2018), <i>Giáo trình luật thương mại Việt Nam, tập 1</i>, NXB Tư pháp</p>
45	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	154003	Văn hoá kinh doanh* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp những kiến thức căn bản về Văn hoá kinh doanh (triết lý kinh doanh, đạo đức kinh doanh, văn hoá doanh nhân, văn hoá doanh nghiệp, văn hoá trong các hoạt động kinh doanh), xu hướng phát triển văn hoá kinh doanh Việt Nam và thế giới.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học xác lập và xây dựng được văn hoá kinh doanh phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp; xây dựng triết lý, tiêu chuẩn đạo đức kinh doanh cho doanh nghiệp, xây dựng chương trình, phương án phát triển văn hoá kinh doanh của doanh nghiệp. Ngoài ra môn học còn giúp người học làm quen và vận dụng sáng tạo lý thuyết vào giải quyết các tình huống liên quan đến văn hóa kinh doanh và nắm được các kỹ năng cần thiết để tổ chức, ứng dụng và phát triển văn hóa doanh nghiệp trong thời kỳ hội nhập nhằm khai thác tối đa hiệu quả của các hoạt động kinh doanh như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng làm việc nhóm.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Dương Thị Liễu (2012), <i>Giáo trình văn hoá kinh doanh</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- John R. Boatright Ethics and the Conduct of Business (2007), (<i>Đạo đức và quản trị kinh doanh</i>) /John R. Boatright USA: Prentice Hall</p> <p>3- Nguyễn Mạnh Quân (2015), <i>Giáo trình Đạo đức kinh doanh và văn hoá công ty</i>, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân</p>
b	151098	Giao tiếp trong kinh doanh* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Cung cấp cho người học kiến thức lý thuyết và kỹ năng cơ bản về giao tiếp trong kinh doanh và cuộc sống như: Khái niệm về giao tiếp, phương pháp giao tiếp, kỹ năng giao tiếp chung, giao tiếp cụ thể, cũng như nghệ thuật thương lượng đối với khách hàng cũng như đối với các đối tượng khác.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học nắm bắt kiến thức và thực hành các kỹ năng giao tiếp có hiệu quả trong hoạt động kinh doanh và cuộc sống.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Hoàng Văn Hoa, Trần Thị Vân Hoa (2018), <i>Giáo trình Giao tiếp trong kinh doanh</i>, NXB ĐHKQTĐ</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Văn Hùng (2016, 2017), <i>Kỹ năng giao tiếp kinh doanh (Tập 1, 2)</i> – NXB Kinh tế TP.HCM</p>

c	154100	Quản trị học* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Khái niệm về hoạt động quản trị, nhà quản trị; Sự hình thành và phát triển của quản trị; Môi trường quản trị; Quyết định quản trị; Các chức năng quản trị: Hoạch định, Tổ chức, Lãnh đạo và Kiểm tra.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên xây dựng được mục tiêu kế hoạch, chiến lược cho một tổ chức; Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy; xác định được các biện pháp tạo động lực cho người lao động; Áp dụng được các hình thức kiểm tra và đánh giá trong tổ chức.</p>	<p>1. Tài liệu bắt buộc:</p> <p>- Nguyễn Ngọc Huyền, Đoàn Thị Thu Hà (2013), Quản trị học, NXB Đại học KTQD</p> <p>2. Tài liệu tham khảo:</p> <p>- Nguyễn Thanh Hội, Phan Thăng (2011), Quản trị học, NXB Hồng Đức</p> <p>- Nguyễn Thị Liên Diệp, Trần Anh Minh (2012), Quản trị học, NXB VHVN.</p>
46	<i>Chọn 1 trong 2 học phần</i>			
a	152035	Phân tích hoạt động kinh doanh* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Đối tượng, phương pháp và tổ chức phân tích hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cung cấp các nội dung phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: Phân tích kết quả sản xuất; Phân tích tình hình sử dụng các yếu tố sản xuất; Phân tích chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm; Phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của DN.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu về phân tích hoạt động kinh doanh; có kỹ năng có năng lực phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả sản xuất. Phân tích được các yếu tố sản xuất cũng như mức hạ giá thành và tỷ lệ hạ giá thành sản phẩm trong DN. Vận dụng được các kỹ thuật phân tích để phân tích tình hình tiêu thụ sản phẩm và lợi nhuận của DN.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Văn Công (2013), <i>Giáo trình phân tích kinh doanh</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Phạm Văn Dược, Đặng Thị Kim Cương (2007), <i>Phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB Lao động- Xã hội</p> <p>3- Nguyễn Ngọc Quang (2011), <i>Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh</i>, NXB Giáo dục Việt Nam</p>
b	153030	Kiểm toán căn bản* (2 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần cung cấp các kiến thức về bản chất, đối tượng, các nguyên tắc và các khái niệm cơ bản về kiểm toán được thừa nhận như: Báo cáo kiểm toán, gian lận sai sót, trọng yếu rủi ro, cơ sở dẫn liệu, bằng chứng kiểm toán, hệ thống kiểm soát nội bộ. Đồng thời học phần còn chỉ ra các phương pháp khoa học của kiểm toán và hướng dẫn quy trình khi thực hiện cuộc kiểm toán tại đơn vị.</p> <p>- Năng lực đạt được: Người học có thể chủ động xây dựng kế hoạch kiểm</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2009), <i>Giáo trình Lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Quang Quỳnh, Nguyễn Phương Hoa (2018), <i>Giáo trình Lý thuyết kiểm toán</i>,</p>

			toán, lựa chọn phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán, phân tích các bằng chứng và lập được các báo cáo kiểm toán trong từng trường hợp cụ thể. Người học có khả năng tiếp tục nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu của hoạt động kiểm toán như kiểm toán báo cáo tài chính, kiểm toán hoạt động và kiểm toán tuân thủ.	NXB Tài chính 3- Thịnh Văn Vinh, Vũ Thùy Linh (2016), <i>Hệ thống câu hỏi và nội dung ôn tập Kiểm toán căn bản</i> , NXB Tài chính
IV	Thực tập, Khoá luận tốt nghiệp (học phần thay thế khóa luận TN) 11TC			
47	151103	Thực tập tốt nghiệp (5 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện các kế hoạch xuất nhập khẩu; quản lý và điều hành các công việc về hợp đồng xuất nhập khẩu; nghiệp vụ xuất nhập khẩu như giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, và các tổ chức kinh tế phù hợp với chuyên ngành Kinh tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Giúp cho sinh viên hiểu biết sâu sắc hơn, vận dụng vào thực tiễn tốt hơn cơ sở khoa học và nghệ thuật trong quản lý kinh tế, các kỹ năng làm việc, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, cách thức quản lý hoạt động kinh tế đơn vị. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích của cơ quan, tổ chức trong môi quan hệ thương mại quốc tế. Từ đó, hoạch định những chiến lược tốt hơn để nâng cao lợi thế cạnh tranh của cơ quan, tổ chức trên trường quốc tế. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo thực tập tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn và cơ sở thực tập đánh giá.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>Tài liệu 1: Giáo trình liên quan đến chuyên đề nghiên cứu</p> <p>Tài liệu 2: Quy định viết báo cáo thực tập tốt nghiệp</p> <p>Tài liệu 3: Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>Tài liệu 4: Tham khảo các tài liệu về kinh tế trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/</p>
48	151104	Khoá luận tốt nghiệp (6 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Giúp sinh viên vận dụng kiến thức nghề nghiệp đã học vào nghiên cứu vấn đề theo các lĩnh vực chuyên môn nghiệp vụ của doanh nghiệp nhất là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tổ chức thực hiện các kế hoạch xuất nhập khẩu; quản lý và điều hành các công việc về hợp đồng xuất nhập khẩu; nghiệp vụ xuất nhập khẩu như giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu, và các tổ chức kinh tế phù hợp với chuyên ngành Kinh tế.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên vận dụng kiến thức tự phân tích đánh giá các vấn đề về xây dựng chiến lược phát triển kinh tế, cách thức quản lý hoạt động kinh tế đơn vị. Phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến lợi ích của cơ quan, tổ</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>Tài liệu 1: Giáo trình liên quan đến chuyên đề nghiên cứu</p> <p>Tài liệu 2: Quy định viết khoá luận</p> <p>Tài liệu 3: Các báo cáo (thứ cấp) về đơn vị nghiên cứu</p> <p>Tài liệu tham khảo</p> <p>Tài liệu 4: Tham khảo các tài liệu về kinh tế</p>

			chức trong mối quan hệ thương mại quốc tế. Hoạch định những chiến lược tốt hơn để nâng cao lợi thế cạnh tranh của cơ quan, tổ chức trên trường quốc tế. Tư duy chiến lược tốt và có những quyết định đúng đắn nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển, hội nhập nền kinh tế quốc tế. Từ đó, đề xuất giải pháp phù hợp. Kết thúc nghiên cứu sinh viên viết báo cáo khoá luận tốt nghiệp và được giảng viên hướng dẫn đánh giá.	trên thư viện và học liệu mở, trường ĐH Hồng Đức http://thuvien.hdu.edu.vn/opac/
<i>Học phần thay thế KLTN</i>				
151094	Quản lý nhà nước về kinh tế (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Nhà nước và quản lý nhà nước về kinh tế; Quy luật và nguyên tắc quản lý Nhà nước về kinh tế; Các công cụ và phương pháp để nhà nước thực hiện quản lý nền kinh tế quốc dân; Mục tiêu và chức năng quản lý kinh tế của nhà nước; Thông tin và quá trình đưa ra quyết định quản lý kinh tế; Bộ máy và cán bộ quản lý Nhà nước về KT.</p> <p>- Năng lực đạt được: Sinh viên có khả năng đánh giá, nhận biết và phân tích sơ bộ hiệu quả của các chính sách quản lý kinh tế của Đảng và Nhà nước.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Phan Huy Đường (2015), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB ĐHQGHN</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Đỗ Hoàng Toàn, Mai Văn Bưu (2008), <i>Giáo trình quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội</p>	
151092	Kinh tế và QL nguồn nhân lực (3 tín chỉ)	<p>- Nội dung học phần: Học phần Kinh tế và quản lý nguồn nhân lực nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về sự hình thành nguồn nhân lực và đào tạo nguồn nhân lực; Thị trường lao động và phân bố các nguồn nhân lực; Năng suất lao động và cường độ lao động; khoa học kỹ thuật công nghệ và tăng năng suất lao động; Từ đó giúp người học có thể nhìn nhận và đánh giá vấn đề thực tiễn một cách khoa học hơn.</p> <p>- Năng lực đạt được: Học phần giúp sinh viên có kiến thức nền tảng về các vấn đề chủ yếu về nguồn nhân lực, vai trò của nguồn nhân lực trong phát triển kinh tế để vận dụng trong điều kiện nguồn nhân lực và phát triển kinh tế tại Việt Nam.</p>	<p>Tài liệu bắt buộc:</p> <p>1- Trần Xuân Cầu, Mai Quốc Chánh (2012), <i>Giáo trình Kinh tế nguồn nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>Tài liệu tham khảo:</p> <p>2- Nguyễn Ngọc Quân, Nguyễn Văn Điềm (2012), <i>Giáo trình Quản trị nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD</p> <p>3- Vũ Hoàng Ngân, Phạm Thị Bích Ngọc (2019), <i>Giáo trình phát triển nguồn nhân lực</i>, NXB ĐH KTQD</p>	
Tổng: 124 tín chỉ				

(* là môn tự chọn)

3. Trình tự nội dung chương trình dạy học

Năm thứ nhất		Năm thứ hai	
Học kỳ 1 (6 HP, 15 TC)	Học kỳ 2 (6 HP, 16 TC)	Học kỳ 1 (7 HP, 16TC)	Học kỳ 2 (7 HP, 17TC)
1. Triết học Mác-Lênin 2. Cơ sở văn hoá VN 3. Tiếng Anh 1 4. Tin học 5. Toán cao cấp 6. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> Môi trường và con người*; Logic học đại cương*; Tâm lý trong quản lý KD* 7. Giáo dục thể chất 1	1. Kinh tế chính trị Mác-LN 2. Xác suất thống kê 3. Tiếng Anh 2 4. Nguyên lý kế toán 5. Kinh tế vi mô 6. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> Địa lý KT Việt Nam*; Lịch sử KTQD*; Lịch sử các học thuyết kinh tế* 7. Giáo dục thể chất 2 (<i>Chọn 1 trong 5 HP</i>) Bóng chuyền*; Thẻ dục Aerobic*; Bóng đá*; Vovinam - Việt võ đạo*	1. CNXH khoa học 2. Pháp luật đại cương 3. Tiếng Anh 3 4. Nguyên lý thống kê 5. Kinh tế vĩ mô 6. Quản trị DN 1 7. Marketing căn bản	1. Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam 2. Tư tưởng HCM 3. Lý thuyết mô hình toán kinh tế 4. Kinh tế lượng 5. Kinh tế quốc tế 6. Tài chính tiền tệ 7. Luật kinh tế

Năm thứ ba		Năm thứ tư	
Học kỳ 1 (6HP; 17 TC)	Học kỳ 2 (7HP; 16 TC)	Học kỳ 1 (7HP; 16 TTC)	Học kỳ 2 (2HP; 11 TC)
1. Phương pháp NCKH chuyên ngành kinh tế và QTKD 2. Kế toán tài chính 1 3. Lập và PTDA đầu tư 4. Chính sách kinh tế đối ngoại 6. <i>Chọn 1 trong 2 HP</i> Dự báo kinh tế* Thống kê doanh nghiệp* 7. Quản trị tài chính DN 1	a. Khởi sự doanh nghiệp b. Nghiệp vụ KD XNK c. <i>Chọn 1 trong 2 HP</i> Tài chính quốc tế* Tài chính công* d. <i>Chọn 1 trong 2 HP</i> Phân tích hoạt động KD* Kiểm toán căn bản* 6. <i>Chọn 2 trong 3 HP</i> Kinh tế đầu tư* Kinh tế thương mại* Kinh tế môi trường* 5. <i>Chọn 1 trong 3 HP</i> Văn hoá kinh doanh* Giao tiếp trong kinh doanh* Quản trị học*	1. Logistics 2. Kinh doanh quốc tế 3. <i>Chọn 2 trong 3 HP</i> Thương mại điện tử* Marketing công nghệ số * Kỹ năng đàm phán và ký kết hợp đồng thương mại* 4. <i>Chọn 1 trong 2 HP</i> Thị trường chứng khoán*; Thanh toán quốc tế* 5. <i>Chọn 2 trong 3 HP</i> Kinh tế phát triển* Đầu tư quốc tế* Hội nhập kinh tế quốc tế*	1. Thực tập tốt nghiệp 2. Khoá luận tốt nghiệp 3. Thay thế khoá luận: Quản lý nhà nước về kinh tế; KT và quản lý nguồn nhân lực

Ghi chú: (*) Học phần tự chọn

4. Ma trận đóng góp của các học phần vào mức độ đạt chuẩn đầu ra

Mục tiêu CTĐT	Chuẩn đầu ra của CTĐT													
	PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13	PLO14
Triết học Mác-Lênin*	M													
Kinh tế CT Mác-Lênin*	M													
Chủ nghĩa XH khoa học*	M													
Lịch sử ĐCS Việt Nam*	M													
Tư tưởng HCM*	M											R		M
Pháp luật đại cương	M											M		
PP NCKH CN KT và QTKD							R	R	M					
Cơ sở văn hoá Việt Nam					R									
Môi trường và con người					R									
Logic học đại cương	M													
Tâm lý học QLKD						M				R		R	R	
Địa lý kinh tế Việt Nam					R									
Lịch sử KTQD					M		R	R						
Lịch sử học thuyết KT	M													
Tiếng Anh 1		M												
Tiếng Anh 2		M												
Tiếng Anh 3		M												
Toán cao cấp				M										
Xác suất thống kê				M										
Tin học			M											
LT mô hình toán kinh tế				M			R	R						
Kinh tế vi mô							M	R	M					

Kinh tế vĩ mô							M	R	M					
Nguyên lý thống kê							M	M						
Nguyên lý kế toán								M						
Tài chính tiền tệ							R	M	R					
Marketing căn bản							R	M	R					
Luật kinh tế	M								R			M	R	
Khởi sự kinh doanh					R			M	R	R	R		R	
Quản trị doanh nghiệp I					R	R		M	R	R	R			
Quản trị tài chính DN I					R	R		M	R	R	R			
Kinh tế lượng			R				R	R	R					
Kế toán tài chính I								M						
Kinh tế quốc tế							M		M					
Kinh tế đầu tư							M		R					
Kinh tế môi trường				M			M		R					
Kinh tế thương mại			R				M		R					
Dự báo KT			R				M	R	R					
Thống kê DN			R					M	R					
Logistics							R	R	M					
Lập và phân tích dự án đầu tư							R	R	M					
Nghiệp vụ KDXNK							R	R	M					
Kinh doanh quốc tế							R	R	M					
Chính sách kinh tế đối ngoại							M	R	M					
Kinh tế phát triển							M	R	R					
Đầu tư quốc tế							M	R	M					
Hội nhập KTQT			R				M	R	M					
Tài chính quốc tế							R	R	M					

Tài chính công							R	R	M					
Thị trường CK			R				R	M	R					
Thanh toán quốc tế			R				R	M	M					
Thương mại điện tử			R				R	M	R					
Marketing công nghệ số			R				R	M	R					
Kỹ năng đàm phán và ký kết HĐTM			R			R	R	M	M	R	R			
Văn hoá kinh doanh					R	R	R	M	R	R		R		
Giao tiếp trong KD					R	R	R	M	R	R		R		
Quản trị học					R	R	R	M	R	R		R		
Phân tích hoạt động kinh doanh							R	M						
Kiểm toán căn bản							R	M						
Quản lý NN về KT							R		M		R	R		
Kinh tế & QLNNL							R		M	R	R	R		
Thực tập tốt nghiệp	R	R	R	R	M	M	R	M	R	R	R	M	M	M
Khoá luận tốt nghiệp	R	R	R	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M	M

Ghi chú: Dùng thang đánh giá mức độ đóng góp: 0 - Không đóng góp; 1 (I) - Đóng góp thấp; 2 (R) - Đóng góp trung bình; 3 (M) - Đóng góp cao

PHÊ DUYỆT CỦA HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS, TS. Lê Hoàng Bá Huyền

Thanh Hóa, ngày 27 tháng 8 năm 2021
LÃNH ĐẠO KHOA QUẢN LÝ CTĐT

TS. Lê Quang Hiếu